

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Hà Thúc Sinh (I)

#### Tiểu sử

Tên thật: Phạm Vĩnh Xuân.

#### Tác phẩm

Thơ: Đá Vàng (1967), Trí Nhớ Đau Thương (1969), Điệu Buồn Của Chúng Ta (1972), Dạo Núi Minh Ta (1972), Thơ Viết Giữa Đường (1988), Hoà Bình và Tôi (1994).  
Tổng Biệt Hai Mươi (truyện, kịch, thơ, 1999).



Đánh chẵn – tranh Oger

### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Dưa cà mắm muối – 2

Hà Thúc Sinh – Phan Lạc Tiếp - 5

Chiếu chẵn còm – 7

#### Phụ đính I :

Lão nho giả – Quỷ xưởng văn – Cư sĩ

#### Phụ đính II :

Lan man chuyện thơ - Thơ Hà Thúc Sinh

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả

Sau câu chuyện về Henry Miller, xin nhắc lại câu chuyện của Hà Thúc Sinh, chắc chắn cũng là của đa số anh chị em văn nghệ sĩ Miền Nam sau 1975. Hà quân là sĩ quan lại là thi sĩ, sau 30-4-75 bị cộng sản bắt. Một lần trong cuộc thẩm cung ông bị họ dùng khúc cây vắn căng đầu giường bố của quân đội Mỹ ngày trước mà quật tới tấp vào người vì ông không chịu nhận là CIA. Tên công an cộng sản tức giận điên người: "Tuổi anh mới 30, đã có hàng chục cuốn sách xuất bản. Nhất định phải nằm trong guồng máy CIA (...) Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ngay những nhà văn hàng đầu mà mỗi ba năm mới được in một quyển sách; mà là sách phải đạt yêu cầu của hội nhà văn đấy nhé. Anh làm gì mà mới 30 tuổi ngụy quyền nó cho anh in nhiều sách thế? (...) Bây giờ hỏi tiếp: Thủ trưởng CIA của mày bây giờ ở đâu? (...) Tao bảo thật. Bọn vừa là sĩ quan vừa viết văn như chúng mày không CIA cũng là CIB." Hà Thúc Sinh bảo: "Vĩnh buồn trong bụng quá. Giải thích chưa xong vụ in sách, bây giờ lại được đội thêm cái mũ CIA nữa!"

Thôi, Phạm quân, đã đến nước này còn buồn trong bụng mà chi. Muộn mất rồi. Hàng triệu người đã chết cho cái ý muốn được vừa là sĩ quan vừa viết văn mà không bắt buộc phải làm CIA, làm công an gì ráo, mà có thể "dạo núi mình ta" tự do, muốn dạo kiểu nào thì dạo; nhưng rốt cuộc rồi thất bại. Người công an Miền Bắc đeo cứng lấy cái quan niệm viết văn phải theo đường lối của thủ trưởng CIA, nhất định không chịu hiểu cái chuyện phi lý, dị thường ở Miền Nam. Bỏ qua cho hần. Lớn lên trong một xã hội như thế, hần đã là một kẻ bạc phước rồi. Như vậy người văn nghệ sĩ trong xã hội mỗi nơi mỗi khác, mỗi thời mỗi khác. Ngay đồng bào cùng một nước với nhau mà kẻ Bắc người Nam, kẻ già người trẻ đã có cái nhìn khác nhau đối với người văn nghệ. Vậy trước khi nói về các hoạt động văn nghệ, trước khi nói về chuyện các văn nghệ sĩ họ đã *làm gì*, xin hãy thử tìm hiểu xem họ là cái gì trong xã hội bấy giờ.

(...trích "Văn Học Miền Nam" – Võ Phiến )

\*\*\*

## Dưa cà mắm muối



Ông bà đi một tháng thăm mấy cậu dì học xa. Kinh nghiệm những lần trước nhà thiếu bà như quân thiếu tướng, bừa bãi chồng lên nhau một tí, bần quệt lên nhau một tí, không lâu trong nhà ngoài vườn thừa điều kiện đón bà về bằng nỗi bàng hoàng. Lần này bà dặn vợ chàng, "Mẹ đi cuối tuần chị chịu khó ghé xem trong ngoài hộ mẹ." Cậu em cười, Chưa chi mẹ lo cái vườn đấy." Bà gắt, "Liệu mà lo cơm nước cho bà cố." Chàng bảo vợ, "Dưới vòm trời đâu có mẹ có vườn đó có chút quê hương." Mấy dưa cháu nhỏ bà gom về hết. "Các anh các chị bận đi làm," bà bảo, "hè cứ đem hết về đây cho bà trị." Thằng út chàng nằm trong số gom quân. Dì út nghiêm nhiên xử lý thường vụ chức tư lệnh. Bông phân công gắn trên tủ lạnh. Lính tráng tuân lệnh rầm rập. Cuối tuần ghé, nó cầm vòi tưới, khoe, "Con phải làm thôi. Thằng Khôi to con lo cắt cỏ. Cái Vân tưới dối, chết cây bà." Chàng hỏi, "Thế tưới sao mới thật?" Nó bảo, "Thọc hết

ngón tay xuống vẫn ướt mới đủ." Vợ chàng nói, "Bà bảo không sai. Thằng này tóc quăn, sau lại khỗ." Chàng nói, "Cỡ bố nó là cùng." Vợ chàng cười, "Tóc anh hết quăn rồi." Chàng thở ra, "Hỏi còn quăn vào đâu!"

Tươi đều thế mà mấy gốc dưa gang, nhất là mấy luống cà bát cà pháo chưa ra hoa. Bà cố ra vườn bảo, "Năm nay dăm mát mùa cà. Giờ chưa ra hoa mát trời sợ hỏng." Chàng nói, "Chắc do thời khí, hai năm trước cũng vậy đó bà." Bà cố hỏi, "Thế hai năm trước cũng mát mùa à? Bà chẳng nhớ đâu đấy." Chàng chỉ con, cười, "Quên gì bà hỏi thằng này. Nó nhớ dai lắm. Mề món cà bung nó nhớ hết." Bà cố quay vào, lẩm bẫm, "Té ra ở Mỹ đáng quên là con gà đáng nhớ là quả cà, lạ đấy nhỉ!"

Chàng nói với cậu em sắp lấy vợ đang ngồi sang lại mớ băng chuột mèo, "Nhớ lấy, mai mốt bảo mợ ấy trồng cà." Cậu em cười tít mắt dúi mũi vào má. Chàng nghĩ cậu này sẽ không nhớ chuyện cà nhưng rồi cũng khỗ. Cậu đang cố lưu giữ loại hoạt hoạ nay không còn trình chiếu phổ thông, ý để cho lũ con tương lai hưởng được tiếng cười thời các cháu cậu đã hưởng. Vợ chàng cự nự, "Cậu ám ó." Chàng không can thiệp nhưng nghĩ đàn bà không hiểu với đàn ông dĩ vãng chẳng riêng đẹp còn cần. Cậu em đang sốt sắng giữ một dĩ vãng gần. Thế hệ chàng nôn nả với dĩ vãng xa.



Xưa còn sống mẹ chàng hay ăn cơm với trám muối, nhất là dưa muối xổi. Cha chàng lại thích cà. Quanh năm nhà có những vại cà nén. Mỗi khi gấp miếng cà lên cụ thường bảo, "Trong như miếng hồ phách thế này mới ngon." Trái bao loạn lạc, bỗng bế nhau vào Nam, ê răng, cụ thôi ăn cà nén xoay sang ăn cà pháo ngâm tương. Cụ thường muối lầy, ngâm lầy; và khi gấp quả cà lên vẫn lời xưa ý cũ: "Trong như miếng hồ phách thế này mới ngon." Mấy chú mấy cô sau lập gia đình ở riêng, thấy cũng muối cũng ngâm cà kiểu ấy, nói câu ấy.

Ở Mỹ có đủ thứ nhưng đâu phải nhất nhất tìm ra miếng hồ phách để giải thích cho lũ trẻ miếng cà ngon phải như thế nào. Vả giải thích ích gì khi chúng nhai dưa chuột muối rau rầu, chép miệng chơi cũng hết lọ ô-liu, có khuyến khích nhai thử quả cà chỉ ngao ngán đưa nhận xét "vừa dai vừa chẳng mùi vị gì bố ạ." Chàng kiên nhẫn bảo, "Cà Thái đóng lọ nó thế. Phải trong như..." Mới đây vợ chàng bật cười cắt ngang, "Cuối tuần này chắc khỏi về bà." Chàng hỏi, "Sao thế?" Nàng đáp, "Kẹt chị Kim hẹn đem nhẫn lên cho xem. Năm ly thôi. Em phải lo trước. Cứ để cậu ấy loay hoay phút cuối thiếu nhẫn cô dâu thì chết." Chàng nhớ đến bà bạn già vui tính. "Từ San Diego lên à?" Chàng hỏi. "Dặn chị ấy đi xa đừng mang nhiều món, cướp bóc như rươi." Như chưa thoát khỏi từ trường mấy chiếc nhẫn, vợ chàng kể, "Kỳ trước em xuống chị ấy cho xem toàn hột nước trắng, dầu hoà thích hơn." Chàng cười, "Cứ nước này nước nọ, chẳng hiểu gì." Vợ chàng dăm dẳng, "Đàn ông!" Đưa lớn như từ lâu đợi bố lột ổ phục kích, cười chen, "Kim cương với bố như cà với con, cứ hồ phách hồ phách con cũng chẳng hiểu gì."

Khi không chàng buồn hột hăng.

Đầu tháng chín ông bà về tới. Mấy đứa bé như có chỗ trú một gánh nặng. TV thoải mái, game thoải mái. Dì út tíu tít khoe thành quả tề gia nội trợ. Cậu em tạm rời giàn máy hát, nằm võng sau nhà nghiền ngẫm quyển "Yêu Con Như Một Người Cha Lớn" của một tác giả Á châu nào đó. Bà cố vẫn thủng thẳng ra vào, đọc thoại, "Ồ thì nhớ mồ mả, về thì nhớ cháu con, chẳng biết định sao nữa." Ông thì trở lại với những giáo trình soạn dở. Chỉ bà xắn tay lao tiếp vào những công việc quen thuộc mà giá có thọ trăm tuổi tương vẫn thiếu thì giờ hoàn tất. Thấy vợ chồng chàng lên, bà hỏi, "Sao dạo này anh gầy thế?" Chàng tính đáp "con mất ngủ quá" nhưng vợ chàng đã nhanh nhẩu đáp, "Có chịu ăn đâu mẹ. Gàn lắm. Cứ bảo gốc nông dân, toàn mơ cua đồng mồng tươi rau đay mướp hương và cà... và phải trong như miếng hổ phách cơ!" Bà nhìn vườn cười bảo, "Thoại được việc, hy vọng có ít quả ăn ghém."



Rồi cả nhà rộ lên chuyện cô dâu chú rể trong mâm cơm rôm rả tiếng cười. Chàng ăn xong ra vườn đứng hút thuốc. Gió như bước chân mùa thu khẽ tới. Hoa lá co cụm lời thủ thỉ vĩnh biệt nhau. Chàng không biết chia với ai mối lo xương thịt. Mấy ngày trước điện thoại về Việt Nam chàng hay tin cụ vào bệnh viện. Chú em trấn an, "Cậu vẫn gắt, nói nhạt miệng thêm cơm cà, vậy vẫn khoẻ anh cứ yên tâm." Chàng tính nhắc "quả cà bằng ba chén thuốc" nhưng lan man chuyện khác, quên mất. Nhớ tuần trước nữa được nói chuyện với cụ, chàng nói sẽ về thăm, cụ lặng giây lâu, giọng thều thào, "Nghe nói lại phải xin xỏ, cam kết, quy lụy..." Cụ ngừng, còn chàng thì bâng khuâng mãi. Phải đó là thứ sau cùng ở mỗi người cha mà thời gian không thể làm tiêu tụy?

Trời trùng hẳn. Gió thổi mây xoắn xít. Và lòng chàng cũng xoắn xít một nỗi thương nhớ lộn màu thắm thía lo âu.

Nhớ hôm ấy chàng về tới nhà đã chạng vạng. Mấy đứa lớn hết hè trở lại các trường phương xa từ tuần trước. Vợ chàng và thằng út nán lại nhà ông bà bàn thêm chuyện cưới hỏi. Chàng đứng ngoài ban-công nghe tiếng quạ kêu trên mấy ngọn cọ, bất ổn. Mai mình sẽ hỏi một hãng du lịch xem sao, mua vé về tưới chuyện gì hậu xét. Tưới cho mấy chậu ớt ít nước chàng mới mở cửa. Đang khi loay hoay xỏ chìa khoá chàng thấy trên cửa gắn miếng giấy nhỏ. Miếng giấy mang chữ ký người anh họ viết vội: "Gọi mãi không ai bắt phone. Anh chị đến cũng không gặp. Báo chú biết cậu mất rồi." Khi không chàng không biết mình đang đứng bên mặt nào của cánh cửa; hồn tênh hênh, nhẹ hẫng, trong như miếng hổ phách. Cũng khá lâu chàng thấy bầu trời nhá nhem thoát đổi thành màu hoa cà mênh mang, rười rượi, trể tràng. Chàng bấm ba lần mới gọi trúng số nhà cha mẹ vợ.

Chín giờ sáng hôm sau chàng mới choàng dậy, ngửi thấy mùi hương nén phòng ngoài, lòng hoang mang không hiểu sao lại có thứ giấc ngủ bất nhân. Tối qua quên chàng đâu uống thuốc. Nắng lách màn gió đặt một dải tang trên bàn.

Con chàng khê mở cửa, mắt bối rối, một lát nói nhỏ:

"Mẹ đi mua hoa. Ông bà gọi lúc bố còn ngủ. Tối qua bà bảo bố mãi mới được mấy quả, đem hết về cho bố. Bói là gì bố?"

Chàng cay mắt nhìn con, bắt giác thấy có gì xông lên mũi, hăng hăng, mặn mòi, tựa mùi dưa cà mắm muối.

## Hà Thúc Sinh Phan Lạc Tiếp

Anh Hà Thúc Sinh là một người đa tài: viết văn, làm thơ, làm nhạc, viết kịch. Là tác giả cuốn Đại Học Máu, lừng lẫy một thời, được đón nhận nồng nhiệt cả trong thị trường chữ nghĩa cũng như trong văn đàn. Trong mỗi trang sách đều tiết ra vẻ cao ngạo, diễu cợt, buồn cười, khiến người đọc đều thấy cái nghịch lý rằng sự thất trận thật là kỳ cục, và kẻ thắng thật không có gì đáng thắng. Ngày ra mắt cuốn sách này, nhìn cuốn sách đồ sộ gần một ngàn trang, so với tấm thân mỏng manh dựa trên đôi nạng gỗ, nhạc sỹ Phạm Duy đã cười đùa: "Sinh à, em có thể chết được rồi." Nhưng không, trong những ngày khởi đầu cuộc sống nơi hải ngoại, anh đã thoát mồ hôi kiếm sống, nuôi một đàn con nhỏ. Anh chẳng quản ngại việc gì. Có thời mấy cha con làm nghề bỏ báo. Trong nỗi nhọc nhằn ấy, anh đã đùa vui, ghi lại trong mấy câu Ném Báo :

*Thế sự vo tròn ném cái vù  
Từng chiều báo bỏ sáu mươi nhà  
Người xưa quẳng gánh rồi vui sống  
Mình mấy năm liền quẳng vẫn lo.*

Trong hoàn cảnh ấy anh vẫn miệt mài sáng tác và tích cực tham gia những công tác đấu tranh. Vì anh không thể quên những ngày dài quần quai trong các trại tù cộng Sản. Anh đã sản xuất nhiều nhạc khúc đấu tranh, và vẫn tiếp tục viết truyện, làm thơ, viết kịch và có mặt trong hầu hết các sinh hoạt của cộng đồng, nhằm vạch trần tội ác của cộng sản Việt Nam trước lịch sử. Ở lãnh vực nào anh cũng có những công trình được công luận tán thưởng. Bởi dưới mọi thể loại, người thưởng ngoạn đều tìm thấy trong sáng tác của anh một tấm lòng tha thiết với quê hương, với đồng bào. Anh làm hồi hải, như chạy đua với thời gian, với số phận. Để có một cái nhìn chu đáo về những đóng góp của anh, chúng ta cần có thì giờ và thẩm định chu đáo hơn. Với tôi, trong cảm quan nghệ thuật tức thì, tôi bị ám ảnh về cuốn Chị Em của anh mạnh mẽ nhất. Cuốn sách thật mỏng, kể cả bì chỉ có 132 trang, khổ 5"1/4 và 8". Bìa màu đen, chỉ có tên sách, tên tác giả mà không có hình vẽ gì hết, hiện lên trong một màu đen đặc. Đen như cánh một đêm nào đó không trăng sao giữa biển, trời giao thoa không gian giới, đầy hải hùng, tuyệt vọng của Thuyền Nhân trên đường đi tìm ánh sáng của Tự Do năm nào.

Bề ngoài cuốn sách là như thế, nhưng mở ra, trên 100 trang sách mỏng manh, nhưng đó là cả một thách đố và nổi kinh hoàng. Thách đố, bởi Hà Thúc Sinh đã bước chung một khung trời cùng một văn hào lừng lẫy Hoa Kỳ, E. Hemingway trong tác phẩm nổi danh là cuốn Ngư Ông và Biển Cả (The Old man and The Sea). Anh đã cùng lầy biển khơi làm môi trường của cuốn truyện. Và cụ thể hơn nữa, anh cũng đã khép mình vào sự ngặt nghèo của sinh hoạt như tác giả lừng lẫy kia, truyện chỉ có 2 nhân vật. Cái giống nhau là thế, nhưng cái khác nhau thì thật cực kỳ. Ngư Ông ra biển để thoả lòng tự ái, ông không muốn là một người già. Ông còn hữu ích và tấm lòng ông, ông vẫn còn thừa can trường trước những thách đố, nguy nan của sóng gió, của biển khơi. Ông ra biển, và biệt tăm. Trong khoảng gian trống vắng mịt mù của biển và của nỗi trông chờ của người trong đất liền, ông câu được một con cá lớn. Con cá lớn quá ông không thể kéo lên thuyền được. Con cá bỗng trở nên cái mồi khổng lồ cho đàn cá mập. Chúng nhâu đến rĩa mồi. Con cá ông câu được nhẹ dần, cuối cùng con cá ấy chỉ còn lại là một bộ

xương ở cuối đường dây, nhẹ thênh. Với bộ xương cá khổng lồ ấy, ông trở về bến cũ. Ông gặp người bạn nhỏ, ông hỏi nó. Trong những ngày ông ra khơi, ở trong bờ người ta có đi kiếm ông không. Chú nhỏ nói. Có chứ. Cả máy bay và tàu thuyền bỏ đi tìm mà không thấy ông đâu. Báo chí theo dõi và đăng tin đầy ra đây này. Lão ngư ông mỉm cười, nằm bên chông báo có những bài, những tin tức vô vọng nói về ông. Ông đã trở về và thoả mãn với cuộc phiêu lưu, đùa cợt với hiểm nghèo. Cuốn sách nhỏ này được đón nhận nồng nhiệt trên thị trường chữ nghĩa và được trao tặng giải văn học cao quý, giải Nobel về văn chương, như một lễ đăng quang cho lòng can trường hiếm quý của xã hội tây phương. Đăng quang cho một trò tiêu khiển, cho tự ái cá nhân, trò chơi ấy có hay không cũng chẳng chết ai. Hầu như cả thế giới đều biết, và ca ngợi thật lầy lừng.

Còn cuốn Chị Em của Hà thúc Sinh thì sao. Cũng chỉ có hai nhân vật. Đó là hai chị em trên con tàu đi vượt biển tìm Tự Do. Gặp bão, thuyền đắm. Tất cả mọi người trên thuyền chết hết. Trong cơn hoảng loạn, hai chị em trôi dạt vào một hòn đảo hoang. Hòn đảo nhỏ nhoi, không biết thuộc quốc gia nào trong Thái Bình Dương. Trong cảnh hoang sơ, thiếu thốn ấy, hai chị em phải vận dụng mọi khả năng để sinh tồn. Tìm nước mà uống. Tìm cây trái mà ăn. Gia tài của cái của hai chị em chỉ còn một mảnh vải nhỏ thay nhau che thân. Nhưng thời gian không ngưng lại. Trên hòn đảo hoang vu này, hai chị em đã sống như hai người tiền sử. Họ ăn uống, trú ngụ ra sao, nhiều cảnh huống thật bi ai, trào nước mắt. Sức khỏe của hai người mỗi ngày mỗi thêm suy kiệt. Bệnh tình khởi phát. Những hôm thủy triều xuống thấp, cái cột buồm của chiếc ghe vượt biển ngày nào nhô lên. Trục, tên người con trai, nhớ đến những gói nylon ở những khoang thuyền. Có thể trong đó còn có những viên thuốc chưa nát, và cũng có thể còn có những bịch thức ăn khô, và cũng có thể còn những mảnh áo quần cũ chưa tan rách hết. Cái gì cũng quý, cũng cần. Trục, người con trai quyết định sẽ bơi ra con thuyền cũ, lục tìm những gì còn sót lại. Anh hẹn người chị sáng mai sẽ về khi trăng lặn, nước lên. Trong nỗi chờ đợi và hy vọng ấy, đêm đã hết, mặt trời đã lên, và thủy triều cũng đã dâng đầy. Người chị, người đàn bà cô độc trên hòn đảo hoang ấy đã đi ra triều cát, nhìn ra khơi. Cái cột buồm của con thuyền cũ đã chìm trong lòng biển sâu. Tất cả đều vắng lặng. Chị nhìn quanh. Tất cả đều vắng lặng. Bốn phương chỉ có tiếng gió hoà trong tiếng biển dạt rào. Chị hoàn toàn tuyệt vọng. Chị nhìn xuống triều cát. Mảnh vải nhỏ che thân của người em nằm đó. “ Gia tài” cuối cùng người em để lại cho người chị là đây. Lan, tên người con gái. “ Nàng không còn nước mắt để khóc. Nàng quỳ lên. Quay mặt ra biển, hai tay chắp trước ngực và khép chặt hai mắt. Một lát nàng mở ra, qua đôi môi run rẩy, nàng khan giọng thầm thì :

“Trục ơi, em ơi, em của chị ơi...”

Đó là lời than khóc của một thuyền nhân Việt Nam trong vô cùng tuyệt vọng. Tiếng kêu ấy không tới được đất liền, không được ai biết đến. Không ai nghe thấy được. Nỗi tuyệt vọng này khác hẳn với hoàn cảnh của Ngư Ông khi từ biển khơi trở về đã được in đậm trên những hàng tin tức và câu truyện giả tưởng ấy đã được lừng lẫy vinh danh. Trong khi hoàn cảnh bi thương của Thuyền Nhân Việt Nam thì đã từng bị loài người quên lãng. Một đảng là câu tuyên giả tưởng. Một đảng là truyện của hàng triệu những câu chuyện như thế, và còn bi thảm hơn thế thực sự đã và còn liên tiếp xảy ra trên Biển Đông. Một đảng là sản phẩm của một xã hội dư thừa đi tìm cái hào hùng trong sự dong chơi. Còn một đảng là thảm nạn của một giai đoạn cam go, bi thảm, hậu quả của một cuộc thư hùng khốc liệt giữa Thế Giới Tự Do và Cộng Sản đã diễn ra trên đất nước Việt Nam. Dân tộc Việt Nam đã phải gánh chịu bao nhiêu là tang thương, chia lìa đau khổ mà làn sóng Thuyền Nhân là hệ quả của cuộc chiến này.

Đó là một vấn nạn cực kỳ khốc liệt của nhân loại ở cuối thế kỷ 20. Và trước hết là nỗi đau xé ruột của những người cùng chung giòng máu, cùng chia nhau những ngày gian khổ chiến tranh, cũng như chia nhau những túi nhục của ngày 30 tháng 4, và những ngày gian lao tù tội, những nguy nan, khốn khổ trên đường đi tìm Tự Do. Sau đó là những chiến dịch Vớt Ngư Ông Biển Đông, là những đóng góp của người đi trước kêu cứu, hỗ trợ cho người đi sau, là “lá rách đùm lá tả tơi”. Trong tinh thần ấy Phong Trào Hưng Ca ra đời, do Hà thúc Sinh đứng ra thành



lập, quy tụ những tiếng hát với bát ngát những tấm lòng thương sót những người đang nguy nan trên đầu ngọn sóng. Bản nhạc *Thà Chết Trên Biển Đông* của Hà thúc Sinh đã được thai nghén và vang lên, khởi đi từ San Diego, từ căn nhà thuê nhỏ bé 2 buồng ngủ cho hai vợ chồng và 5 đứa con. Tiếp theo có những người như Nguyệt Ánh, Nguyễn hữu Nghĩa, Phan ni Tấn, Việt Dũng và bao nhiêu bằng hữu nữa cùng góp tiếng. Bản hùng ca ấy mỗi ngày mỗi bùng lên, vang toả gần như khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, lan tới các châu lục khác ở Úc, ở Canada, ở Pháp... Những tiếng hát ấy lúc đầu để nói lên nỗi kinh hoàng của người vượt biển, để quy tụ, để gây quỹ Vớt Người Biển Đông. Sau đó tại Geneve, trong những ngày cuối của thảm nạn này, trước buổi họp quốc tế về Thuyền Nhân, những tiếng hát ấy còn bùng lên như những tiếng kêu khẩn thiết “Là Thuyền Nhân chúng tôi không muốn trở về đất cũ”. Tiếng kêu thương hùng vĩ ấy đã có hàng triệu người nghe, bay cả về quê nhà qua các đài phát thanh quốc tế, nhưng khởi đầu là từ tấm lòng của con người mảnh khảnh, tựa mình trên đôi nạng gỗ, anh Hà thúc Sinh, người bạn cùng màu áo trắng của tôi.

Bây giờ, năm 2010, thảm nạn này đã qua, đã đi vào lịch sử. Những thế hệ con em chúng ta nơi đất mới đã và đang là những ngôi sao lấp lánh của sự thành công, làm vui sướng cho các bậc cha anh, cũng như làm rạng danh cho người Việt trên các vùng đất của quê hương mới. Người Việt Nam ở đâu, hầu như cũng có những tấm gương của sự hiếu học và thành công, như một món quà đáp lại tấm lòng hào hiệp bao dung của những ai đã giúp đỡ mình. Trong hoàn cảnh đó, anh Hà thúc Sinh, ngày nào mướt mồ hôi trong sinh kế để nuôi dạy một đàn con, lớn thì chưa quá 15, nhỏ thì còn phải cầm bình sữa. Nay tất cả đều đã xong đại học. Chị Hà thúc Sinh cho biết :“Khi các cháu lớn cả, tôi đã đi học lại kiếm một cái nghề để dưỡng già”. Và cậu con út theo chân mẹ, cũng học xong được, đi làm, ra ở riêng. Thế là cả hai mẹ con cùng là Tiến Sĩ được khoa. Và người bạn tôi, một thời gian nan như thế, nay anh nói: “Cuộc sống ào ạt trôi đi, dù không muốn, tóc đã bạc”. Và anh đã viết :

*Thế sự quanh ta một trận cười  
Trần gian cũng chỉ dưới chân thôi  
Phút vui mấy nét đùa nghiên bút  
Tàn mộng trăm năm để tiếng đời.*  
(Thơ tặng Lão Tử, Hà thúc Sinh)

Vâng, anh bạn tôi đã “đùa nghiên bút” nhưng trong đùa vui ấy tôi đã thấy tràn ngập một tấm lòng. Và từ những âm vang của tấm lòng ấy đã có bao nhiêu tấm lòng khác cùng hoà reo làm nên cả một phong trào, giúp cho việc nghĩa. Thảm nạn Thuyền Nhân đã hết, nhưng Hưng Ca vẫn còn và vẫn không ngừng sinh hoạt. Nhưng anh bạn tôi thì như một người Hường Đạo, thấy việc phải thì làm. Làm xong thì buông. Anh không còn sinh hoạt trong Hưng Ca nữa. Trở lại với những con chữ, với tuổi trời, anh hàng ngày làm bạn với cỏ cây, với Lão Đam, với Trang Tử mà từ những ngày còn rất trẻ anh đã muốn “Đạo Núi Minh Ta” (tên tập thơ của anh từ những năm trước 1975). Tôi khép mắt lại, nhớ lại những ngày cùng nhau vận động, cứu vớt Thuyền Nhân, tiếng hát của anh em Hưng Ca bỗng như oà vỡ trong không gian vắng lặng của lòng tôi :

*“Thà chết trên Biển Đông  
Một ngày cũng hào hùng  
Em căng buồm thách thức biển gầm...”*

12/9/2010

## Chiếu chấn còm

*Xong rồi một cõi u minh,  
Ngựa Hồ chim Việt biến hình mà đi. (\*)*

Đình thi sĩ nhắm nhanh hai câu cuối bài thơ ghi vội rồi nhét mẩu giấy vào túi, gỡ mũ ngược nhìn những ngọn thông cao vút, hít sâu một hơi, rồi thở ra, than thào, "Thật, chẳng chiều quái nào như cái chiều này!"

\*\*\*

Đó là một buổi chiều không giống buổi chiều nào thật, và ông Đình thi sĩ có than như thế chắc cũng không ai nở bảo ông thậm xưng để nhân có ấy xen bớt tí tính đáng quý vốn có ở ông là tính thận trọng dùng chữ.

Ông Lê nhà văn lục túi tìm gói thuốc, sực nhớ ra chỗ mình đứng lại thôi. Nhìn về phía quan tài ông chắt lưỡi nói như nói với ma:

"Đi lúc nào không đi, nhè ngay lúc cuối năm."

Ông Lý ký giả khẽ thêm:

"Và cuối thế kỷ."

Ông Trần nhạc sĩ chưa chịu, thêm tí nữa:

"Cuối luôn một thiên niên kỷ."

Tất cả yên lặng. Một cụ tiên chỉ vừa đọc xong bài điệu. Câu cuối có bị sự xúc động làm mờ đi nhưng năm ông tai còn thính lắm, họ nghe rõ cả: "... Thôi, chào anh, ngàn thu vĩnh biệt anh!"

Ông Nguyễn diễn viên vốn quen thói giễu giữa đường, chẳng giữ ý tứ nói như thờ hất ra:

"Bảy lăm tiền tám mươi đào đâu ra ngàn thu. Tạm biệt nghe thật hơn."

Ông Trần nhạc sĩ lớn tuổi nhất đám, nói:

"Tới nữa phiên ai đây?"

Ông Lý ký giả nói:

"Ưu tiên ấy không ai giành ông."

Lâu lắm ông Lê nhà văn mới thở dài:

"Chắc cuốn chiếu mắt thôi, tiên (\*\*) đi nhanh quá."

Ông Đình thi sĩ bảo:

"Lụy tình mới bịn rịn, thu vén xong rồi thì nhanh."

Ông Nguyễn diễn viên bảo:

"Ồi dào, đời toàn lăm le đi nhau, ù nhau, đi như thế kể đã lè mè. Hồi cụ mới lò dò sang tôi có nhắc đấy. Chẳng ân oán với ai cụ về lại bên đó hay hơn. Tôm lèo dù gì nó cũng tươi cũng ngọt hơn, hành quân nó khí thế hơn mà làm thơ nó cũng hứng hơn. Có nghe đâu!"



Ông Đinh thi sĩ cố giấu cái nhú mày, bảo:

"Chưa ăn nhạt chưa biết thương đến mèò."

Ông Nguyễn tính giương cổ cãi nhưng ông Đinh đã vội giơ một ngón tay lên miệng. Không gian thốt im như tờ. Trong nắng ngai ngái, trong gió ngầy ngầy, những lời thơ như lời cầu siêu bỗng trỗi lên qua một giọng ngâm nữ không được xuất sắc:

*Vũ trụ thiên hành tiết điều hơi thở*

*Vũ trụ mỉm cười tiến lên thông thả*

*Vũ trụ vận hành êm ả thanh thoi*

*Chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi (\*\*\*)*

Từ 1975 kể trước người sau nói nhau tha hương, sau cùng họ tái ngộ trong một chiếu chần. Họ hay tụ ở nhà ông Trần nhạc sĩ. Người mình đặt tên nhau đến hay, vừa chính xác lại vừa thực tế. Ông Trần trái chiếu, thu hồ, lo hầu tiếp nhưng không chơi được gọi bưng tô. Cứ thế, theo phong thái hay cá tính ứng với quân bài, ông Đinh có biệt hiệu gàn, ông Lê con cá, ông Lý võ, ông Nguyễn bị gậy hoặc ăn mày. Trừ tiên thi sĩ mà tuổi tác đáng được thông qua mọi chuyện, còn giữa năm ông không thể. Họ có thể giống nhau rất nhiều chỉ trừ tí con con, cái mũi. Không tin cứ quăng ra tí danh lợi mà xem. Cảnh sẽ vui đáo để. Sẽ có kẻ lì lợm xốc tới bảo thơm và có kẻ tháo chạy bảo thối. Lạ thay việc này lại vô phương thoả hiệp. Tại sao? Được cái họ không bỏ nhau. Vả bỏ nhau chơi với ai, với Mỹ ư, Mỹ nó đoái hoài gì đến trò chơi của một nhúm tị nạn lạc loài. Họ vẫn bên nhau. Họ giống những cột đèn của Khalil Gibran, dù cùng nhau đội chung một mái đèn nhưng không bao giờ đứng sát vào nhau; sự gần gũi thân mật ấy hoá chẳng chỉ để ban cho cái giá móc mũ, chiếc kệ để bản tin hay cái thùng đựng giấy lộn nho nhỏ.

Ông Đinh gàn suốt đời sợ bản tay, không muốn dính vào việc gì sâu nên không việc gì thành. Ông Lê con cá luôn mồm ca bài chống chính trị hoá văn học nghệ thuật nhưng lại dám vất vả đi đêm; lâu rồi ông bị chứng hồi hộp, vì cứ đêm đêm đèn sáng lại thấy một cái bóng đen có tác phong lãnh tụ về đứng ngắm nghĩa ông. Ông Lý võ thời còn thịnh cảm bút như cầm dao, trong ứng xử lộ bản chất hiếu sát, giờ sống vất vưởng như chờ quả nghiệp. Hai ông sau nghệ sĩ trình diễn, pháp thuật tất nhiên cao cường trong đấu trường danh lợi; mấy ông cầm bút bảo họ bạn ngoại vi, mặt tán thưởng hay sửa trị nên dành toàn quyền cho quần chúng. Giờ cả năm đều đã đi vào thời thiếp ngủ trước những pha gay cấn trên máy truyền hình. Họ vui vẻ lấy nguyên một hàng ghế như thế làm mẫu số chung. Cái mẫu số chung này đã ngẫu nhiên tạo thành một lớp vỏ bọc quanh đời họ. Nó bảo vệ được gì cho họ? Không, chỉ giúp họ che bớt phần nào vài đặc tính không nên phát huy của giới gọi là sinh ra đời như văn nghệ sĩ. Hôm nay có vẻ họ gẩn bó chứ không như lúc ngồi trên chiếu chần. Họ đi tiễn một bậc tiền bối đến chỗ rồi họ sẽ đến.

Xong đám họ nhẩn nha thả một vòng. Hai mươi lăm năm không ít bạn bè đã rủ rê nhau về ngủ chón này. Khi ra tới bãi đậu xe vừa ba giờ chiều. Người cho họ quá giang không còn đó. Có xe buýt về Bolsa nhưng họ không đón. Đã đồng ý sẽ không bao giờ nữa có một chiều như chiều hôm nay, có gì họ phải vội vã. Họ quyết định thả bộ nói chuyện cho vui.

Chuyện giữa họ thường lan man và có hậu ý hay không còn tùy tạng người. Dù sao nó nhay như cóc, cứ đang chuyện nọ xọ chuyện kia, tạo dịp cho ông Đinh gàn thờ dài, bảo vớ vẩn. Nhưng giá có ngoắt một cái chuyện vớ vẩn biến thành chuyện gay go cũng lại là thường. Óc sáng tạo, tính khôi hài, lòng chủ quan và sự độc đáo là bốn điều xưa nay vốn khó kiểm soát. Họ hay kể về dĩ vãng với chút tưởng tiếc dù khi bị hỏi họ vẫn bảo việc họ làm là một trò chơi. Ấy thế chứ họ lại khó chịu lắm mỗi khi tự kiểm điểm thấy mình chơi vẫn chưa tới.

Và giá bị hỏi thêm tới là tới thế nào, tới để làm gì thì họ đâm ú ớ ngay. Có ai nhập cuộc chơi này mà không từng bị cụ Tiên Điền cầy cho một phát sinh tử phù bất tri tam bách dư niên hậu...!? Chính cái tâm trạng có màu ngồn ngang khi về chiều ấy sẽ có lúc cho họ cái gan cười xoa bảo nhau, "Rõ khỉ, vênh váo cho lắm hoá ra mình chỉ là một bọn từng hăm hờ kéo nhau đi săn nai trong sở thú." Đấy, đấy sẽ là thời sự hăng tiết cáo chung. Sự lăm le làm lại, nếu có, cũng nhấp nhô trời sục như kẻ sắp chết đuối. Rồi cái giọng sang sảng vốn có ở họ một ngày thấp hẳn, không quá đáng nhưng đủ thích hợp cho một thông tin bàng hoàng, chẳng hạn, "Ông ơi còn nhớ X. chứ, vừa đi làm về tìm nó giật một phát đi luôn mất rồi"; hoặc cho một thông báo hân hoan, đại loại, "Này bạn hiền, thử loại giảm đau nhưc Y. mới ra chưa, tuyệt, tuyệt cú mèo."

Nhưng có thể văn nghệ sĩ hơi khác người ta ở chỗ dễ mũi lòng hơn, dễ cảm cảnh hơn, thành thử tuy không quên những đố kỵ (đôi khi tệ hơn) họ vẫn độ lượng với nhau. Cứ xem như ông Lý võ. Ông từng là thẩm hoạ cho ngay vài vị trong chiếu, nhưng khi hết thời, đến trước cửa nhà ông Trần bưng tô quy hàng, ông ngửa mặt nhỏ lên trời một bãi to tướng rồi lạnh lùng rút khăn lau mặt, thẳng thắn nói, "Xin các ông anh nghĩ đến tôi như kẻ làm lỗi mà không là kẻ tội lỗi." Ông được bỏ qua khi tiên thi sĩ thề thào, "Môi sinh thế này chỉ mới cắn nhau đã là quý lắm." Lại thí dụ khác. Chẳng hạn mười mười lăm năm trước làm gì có mẫu đối thoại thế này: Ông Nguyễn bị gây tâm sự: "Nhớ lại việc cũ, ngưng ngẫm."

Ông Lê con cá gặt gù:

"Thế là đã thấy được ngô trúc xa xa."

Ông Lý võ giọng vẫn khó hiểu:

"Giểu thua Phi Toàn việc đéch gì phải ngưng."

Về mặt nghề nghiệp ông Trần bưng tô gần với ông Nguyễn bị gây, vì thế lời an ủi có nôm na và đầy đặn hơn.  
Ông nói:

"Con gà cho trứng con công cho múa. Ngon mềm ngon mát đều cần. Trên sân khấu đời ông đóng vai ông. Ừ, việc đéch gì phải ngưng."

Ông Nguyễn bị gây mát ruột lắm. Và như để đền ơn tri ngộ, lần đầu trong đời ông ban cho bạn tí cảm tưởng ông cũng biết khiêm tốn như ai, biết tự phê tự kiểm như ai.

Ông đáp:

"Tất nhiên là vậy. Trời sinh ra tôi để múa thì tôi múa. Khổ cái, chặc chặc, đôi khi xem lại những thước phim cũ cứ giật bắn cả mình. Chẳng hiểu vợ vả thế đéch nào mà lắm phen ra sân khấu cứ quên kéo phéc-mơ-tuya."

Thấy tội, ông Đinh gần cũng giúp cho đôi chữ:

"Càng mát."

Đi một lát vừa đói vừa khát, họ đến trước một thánh đường ngồi nghỉ. Ông Trần là người háu đói. Mặc ai chuyện trò ông vẫn thản nhiên mở túi dết lấy ra cặp bánh dày chả cốm sữa soạn ăn. Những người khác khởi sự một đề tài mới. Lần này nó trở thành nghiêm trọng khá nhanh vì họ

đã lôi nhau vào chuyện khôn dại. Vừa liếc nhanh ông Trần đang học tốc chạy ra sân sau thánh đường, ông Đinh giơ bàn tay khế can mọi người:  
"Chuyện khác đi!"

Ông Lý không chịu:

"Sống trên đời cần biết dại khôn, sao lại tránh?"

Ông Đinh chắt lưỡi:

"Người khôn đã thành tổ tiên."

Ông Nguyễn ngạc nhiên:

"Thế không có hy vọng nào cho đứa còn sống?"

Ông Lê ơ hờ nhìn ông Trần vừa trở lại chỗ ngồi. Cái trán ông ta nhăn nhăn, đôi mắt hấp háy ra chiều đang nghĩ ngợi gì đó, lung lăm. Ông Lê đột ngột hỏi, "Này ông bụng tô, thành thật nhá, ông nghĩ ông khôn hay dại?"

Ồi thôi cả bọn một phen kinh hãi. Ông Trần bắt giác thét một tiếng, lẩn nửa vùng chạy biển ra sân sau. Tất cả lục tục chạy theo và họ thấy ông bạn già đang đứng nhìn một dây thùng rác vò đầu vò cổ. "Ồi cha ối mẹ tôi ơi," ông ta gào lên. "Thế này thì có khác gì quỷ thần nó vặn rặng tôi." Ra thế. Ban nãy ông Trần đã nhỏ vội miếng bánh dày thiu có dính hai hàm răng giả, và giờ ông không thể nhớ ông đã nhỏ nó vào cái thùng nào.

Ông Đinh bảo khế vào tai ông Nguyễn, "Bụng tô là người sắp có hy vọng."

Rốt cuộc như bao giờ họ đành chín bỏ làm mười, ít ra bề ngoài. Cùng chiếu cả đấy thôi. Trừ ông Đinh, tất nhiên, còn thì họ đồng ý ở một mức độ không thống nhất đời người khôn nhiều hơn dại (có thể mới tồn tại được). Và cũng đồng ý luôn chính điều đó là nguyên nhân làm mờ, làm mất đi sự tinh khôi đời nghệ sĩ. Xem, sao càng già càng bết? Tiên thi sĩ nói một đàng làm một nẻo, đi một bước người đi một bước, ăn ỉ... cứ hiên ngang tại chỗ. Sao thế? Phải chăng trăm sự đều do cái gánh nặng vô hình gồm toàn những món gọi là kinh nghiệm, nôm na là lỗi đời, tất là khôn cụ vác trên lưng?

Chẳng mấy tiếng nữa lịch sử nhân loại sang trang, họ băng khuâng nghĩ ngợi.

Nắng oải ra trên hoa cỏ. Bóng chiều đã lấp ló đầu đó từ những chân mây trên trời quận Cam. Các ngã đường gió Thái Bình Dương thơm dậy. Bóng người bộ hành vội vã. Lá khô chạy lao xao. Một chiều cuối năm như thế gây chấn động lớn trong hồn kẻ tha hương. Năm người bạn bắt giác nhìn nhau, rồi như cảm cảnh, lẩn đầu họ nghĩ đến nhau cách đằm thắm không ngờ. Ồ, nhớ bao năm qua họ đâu hề có tâm trạng xiêu xiêu như thế. Rồi họ lẩn thẩn bàn cách giải trừ cái khôn, cách cứu lấy sự tinh khôi của tâm hồn dù là vớt vát. Liệu có muộn quá chăng? Ông Đinh muốn chữa cái bầu khí bi lụy và bông bột hơi bất thường do các bạn ông gây ra. Đấy, cứ đời khôn đến khi có khôn lại hoảng lên vì nó. Dù sao ông thâm cảm. Ông hiểu chẳng qua các bạn đang cơn rối trí. Ở mỗi người giờ mới thực có thêm một đám ma lữ thứ, thêm một mất mát xứ người. Nhưng làm sao giúp họ dịu xuống? Có tiếng chuông bán kem. Ông chận thẳng bé tính mua đưa mỗi bạn một cây, khi lục túi mới biết không đem ví theo. Ông Nguyễn nhanh nhẩu bảo để tôi, rồi quay hỏi thằng bé:

"Kem hả, mấy một cây?"

"Dạ một đô."

"Không đi học à?"

"Dạ Mẹ lậu."

"Bốn đô năm cây được không?"

Thằng bé nhăn nhó:

"Dạ không."

Ông Nguyễn moi ra tờ hai chục:

"Có tiền thôi?"

Thằng bé hơi bối rối nhưng cười ngay. Tự nhiên ông thích nụ cười của nó. Chỉ trẻ con biết lao động kiếm sống khi thấy đồng bạc mới có nụ cười thế này. Nó đặt thùng kem xuống, chỉ tiệm tạp hoá 7-Eleven bên kia đường, đề nghị:

"Ông coi giùm cháu thùng kem, cháu đi đổi."

Rồi nó cầm tờ hai chục mau mắn băng qua đường. Nhưng nó không trở lại. Mãi không trở lại. Ông Đinh tò mò nhẹ mở nắp thùng kem -- một cái thùng ép bằng bấc nhựa đã khá sứt mẻ. Lần đầu tiên các bạn thấy ông Đinh mắt biển nét chừng mực cổ hũu. Ông cứ rú lên cười, từng cơn.

Vào chiều cuối thế kỷ XX chẳng ai biết có năm ông văn nghệ văn gừng từng trôi dạt đến Mỹ từ xứ An Nam lòng rỗng toác (như cái thùng kem rỗng) vừa được hoá sinh trở thành con trẻ. Họ khoác vai nhau đi hàng ngang trên phố Bolsa, cười nói rần rần, bất cần người đồng hương có thể mắng thảm, "Mấy anh già mắt nét!" hay bọn Mỹ qua đường hình mũi nghĩ bụng, "Mấy thằng gay da vàng!" Họ hoá sinh vì họ vừa cùng ngộ ra rằng đời chẳng có quái gì là tuyệt đối, là hết sức, là cực kỳ, là vô cùng quan trọng cả. Giờ này tháng sau, năm sau, vài năm sau nữa, ngay trong đám họ còn ai nhớ tới tiên thi sĩ với trọn vẹn tinh anh thể phách như cụ vốn là? Một ngày mọi người đều mỏi mệt. Ngay thứ gọi là tình cũng có lúc đầy lung và sẽ thành gánh nặng; sẽ có lúc người ta phải ngồi lại bên đường, lựa lọc và ném bỏ dần cho nhẹ hành trang. Một xe rác tấp tới nâng một kiện rác lớn đổ vào lòng xe. Tiếng sắt thép va chạm gây một chấn động đau ngán.

Ông Lý chột hỏi, khơi khơi:

"Còn ông anh nào ngủ hay mơ không nhỉ? Lạ, giấc mơ tôi lâu rồi cứ như vượt biên mất tiêu."

Mãi mới có giọng ông Trần:

"Tiếc gì cái nguồn gốc phù hũ. Thực tế là ta cần duy trì cái chiếu chần đây này, cho vui, được ngày nào hay ngày nấy. Nhưng làm sao trải chiếu khi thiếu một tay?"

Ông Lê bảo:

"Ông tập chơi là vừa."

Ông Trần đáp:

"Nhiều quân quá, mãi không nhớ."

Ông Nguyễn bảo:

"Trước tôi cũng thế."

Ông Trần nhăn nhó:

"Khổ cái tứ đồ thường riêng món này tôi lại đếch mê."

Ông Lý bảo:

"Chưa mê thuê trăm bạc cầm hộ một ván lác ngay, mê rồi trả năm trăm bảo hoàn còn lác dữ."

Ông Trần bảo:

"Thế à, thế nhắc lại coi."

Giọng ông Đinh bấy giờ mới trở lên, dặn dò y một ông giáo tận tụy:

"Nhớ nhá. Cổ bài một trăm hai mươi quân, có ba hàng văn, sách, vạ..."

—

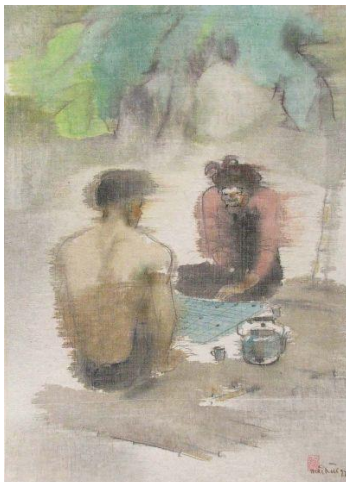
(\*) thơ Viên Linh;

(\*\*) tên các quân bài được gọi dựa theo hình vẽ: tiên (nhất văn), múa võ (nhất vạ), bị gậy hay ăn mày (nhị sách), bưng tô (tứ văn), gàn (bát sách), con cá (bát vạ);

(\*\*\*) thơ Võ Phiến.

\*\*\*

**Phụ đính:**



## Lão nho già

Người ta thường tán những tay cờ tướng giỏi tính trước được hàng chục nước, ba nước tính chưa tới sức nào tôi dám nghĩ mình giỏi, vì thế xưa nay tôi ít dám hầu cờ ai ngoài mấy bố con trong nhà. Đánh cờ với con có cái thú của nó. Nếu Khổng Tử không nói câu đó chắc về sau đã có một Khổng... Sinh nói vậy. Ngoài cái uy ông bố mình còn cái uy khai tâm cho chúng dù chỉ vài chữ mã nhật tượng điền xe liền pháo cách. Những cái uy ấy làm nản vài kết quả hay hay. Thứ nhất có thua mình thua con, lòng sáng khoái. Thứ hai có thắng, đưa "có hiếu" sẽ nghĩ bụng chắc bố may; đưa "bất hiếu" dấu nhãn nhớ nhưng cầm chắc không dám hỗn, không dám để nhẹ bàn cờ lên đầu cụ thân sinh ra nó. Nhưng tôi vẫn thích xem những tay cao thủ đụng độ, thật thế, thích lắm. Ngày còn ở đất nước, cuối tuần tôi hay lê la trên lề một đại lộ giữa Sài Gòn, nơi người ta bán chim bán chuột, bói toán xem quẻ và nhất là có những người ngồi bày cờ thế thách giang hồ hảo hán đi qua ai giỏi ghé thử vài nước.

Tôi không thích cờ thế. Những ông bày cờ thế mặc nhiên đã trảm cách gài sẵn cho họ cái thế tất thắng. Thú là lâu lâu gặp hai cao thủ sau khi làm ly xây chùng, cay nhau sao đó, thỏa thuận kéo tới ngồi dưới gốc me sắp cờ quyết một trận thư hùng. Từ đó tôi nghiệm ra một điều. Với những bậc kỳ vương, họ luôn có hai lúc bình cờ. Bình cờ lần đầu là khi đôi bên thoải mái sắp quân, tiếng lách cách nghe hăm hờ, vui tai; lần kế là sau mười phút dàn quân, gài thế rồi dừng tay, ngó mắt nhau, một người chia bàn tay lễ phép nói "Xin mời!" Người chung quanh lặng lẽ háo hức. Ngay đàn sẽ trên những cảnh me xem ra cũng im tiếng. Lần bình cờ này là dịp cuối cùng cho đôi bên còn nhớ ra trên đời có chữ tiền lễ hậu binh. Họ bắt đầu chìm vào sự tính toán sâu lắng, trầm ngâm, nham hiểm nữa. Thế sự hứa hẹn tằm máu rồi đấy khi một bàn tay thò ra quyết định nước đi cho một quân cờ.

Đây là giây phút gay nhất. Người phải đi nước trước thường bạnh cầm như máu huyết trong người đang sôi lên, các gân bắp đang nở ra, lấy tận lực tung cú tiên hạ thủ vi cường. Nước đầu, nước căng đầu hơn cả. Ra con xe, nhích con pháo, lên con mã, thậm chí đẩy con chốt, thay thầy sảy tay đều có thể mở một hành lang cho địch xâm nhập, hoặc gài địch vào bẫy mà chỉ ít phút nữa thôi sẽ có kẻ mất nước tan nhà. Dưới những gốc me như thế đã bao kỳ vương râu dài ngang rốn chôn vùi tên tuổi, hay một cậu thiếu niên phút chốc tạo đại danh trong chốn giang hồ. Thế nào đi nữa, tôi không đủ trình độ để hiểu vì sao tự dưng mới đi vài nước một bên chột ngựa mặt lên trời thở dài, vung đứng lên, thốt một câu đau đớn, "Thua!" rồi làm lúi lúi vào đám đông mất dạng. Những lúc như thế dù cờ gà, nhưng nhìn cục diện, tôi vẫn thường ám ức nghĩ bụng xe pháo thế kia đánh cả buổi chưa chắc phân thắng bại, sao lại có kẻ bỏ của chạy lấy người? Mãi tới lúc đi tù cộng sản, nhờ cơ may, tôi mới có chút hiểu biết thêm về cờ, về người đánh cờ.

\*\*\*

Năm 1977 tôi bị giam ở trại Suối Máu. Thời gian nằm bệnh xá tôi quen ông cụ Hoà, Nguyễn Thụy Hoà. Cụ bị lao phổi nặng, người gầy như que tăm, xanh như tàu lá, giọng thều thào như hết hơi nhưng cờ tướng thì nức tiếng như cá tính cụ. Nhưng chớ tưởng ai cụ cũng tiếp đầu đầy. Hách như gì. Bọn trẻ lúc rảnh rỗi ham cờ nản nì thế nào cụ cũng lắc. Khi tôi nhập viện chỉ thấy được cụ đánh đầu vài ván với một cụ khác cũng lao phổi như cụ; sau ngày cụ bạn này mất, gần như tôi không thấy cụ đụng cờ với ai nữa. Mời, cụ trả lời bằng cách ngâm ư ử câu thơ cờ đang nửa cuộc không còn nước. Không ai hiểu thấu đáo cụ muốn nói gì. Cụ chê người mời cụ non, và cụ không muốn sát sinh, muốn cắt cổ gà thêm nữa; hay cụ đã âm thầm độ thân phận vào chuyện thế sự, cho rằng đời là một cuộc cờ đã bí hoàn toàn?



Cụ là người đầu tiên bị nhốt vào conex trong đợt học tập chính trị năm 1975 bên K.5. Cụ trốn trại? Cụ cãi lệnh nấu nướng linh tinh? Cụ làm thơ văn phản động? Thưa không, cụ vào conex vì một câu phát biểu ly kỳ. Bạn đồng tù từng ở chung K.5 với cụ về sau khi kể lại vẫn tỏ ra khoái trá câu chuyện này. Ký bút hiệu Khánh Vân Cư Sĩ, chủ bút tờ Đại Từ Bi, một tờ báo của nhà Tuyên Úy Phật Giáo, dịch giả truyện dài Bàn Tay Ngọc Phật, dĩ nhiên trong đợt học tập đầu tiên ban quản giáo trại phải cần xem một tên cầm bút lâu năm sẽ phát biểu thế nào về tội lỗi của hắn. Cụ bị chiếu cố. Lên phát biểu, cụ giọng ông đồ gàn, con cà con kê mãi rồi mới trở giọng hơn hờ kể:

"Cách mạng vào thú thật tôi chỉ có mỗi một điều vui. Số là xưa ngoài Bắc, làng nào cũng có truyền thống, có tay nghề của làng đó. Có làng chuyên làm đồ gốm, có làng chuyên đan thúng đan mẹt, có làng toét mắt cả làng, có làng mù chữ cả làng, lại có làng được nức tiếng có lắm ông nghề ông công. Làng tôi chả gì cũng có tiếng là làng trọng văn học, có trường, có thầy, có học trò nối tiếp nhiều thế hệ làm về vang cho truyền thống làng. Gần làng tôi có một làng không có trường. Lắm bậc phụ mẫu muốn cho con theo đòi tí chữ nghĩa phải gửi chúng sang làng tôi học nhờ. Thừa thiếu thời tôi có thằng bạn làng bên sang học nhờ. Cùng lớp cùng trường. Tên nó là Dũng. Còn trẻ con ấy mà, thế nên chúng tôi thường gheo nó, gọi nó là 'thằng Dũng làng Noi cả nòi hốt cứt!' Cách mạng vào, ngờ đâu tôi tốt phước, có được thằng bạn là thằng bé làng Noi năm ấy, chữ nghĩa thì lem nhem, tay chân ít khi thơm tho sạch sẽ, thế mà trời ngó lại thế nào, nay nó làm tới ông đại tướng quân đội Nhân Dân, trong khi tôi giải ngũ về mang được chút hàm thiếu tá. Thật rõ là ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai."

Khẩu khí và tính khí như thế, tôi không ngạc nhiên khi cụ từ khước đóng tiền mua khẩu phần thịt, đường, kẹo bánh mỗi khi có dịp nhà nước ăn mừng kỷ niệm này kỷ niệm nọ. Cụ bảo, "Lẽ chúng nó, lẽ gì mình mà lại phải móc tiền túi ra mua thức ăn ăn mừng?"

\*\*\*

Có một hàng rào đơn ngăn khu bệnh xá với K.4. Bên K.4 có vài ba anh tù điên, trong số có một người, nghe nói cấp trung úy, không điên, chỉ khật khùng. Anh ta chưa tới ba mươi. Suốt ngày trên người chỉ có manh quần đùi khâu bằng bao cát, da dẻ vì thế xám xịt như củ súng. Bị xếp loại khật khùng dĩ nhiên chẳng ma nào bắt anh đi lao động được. Tối ngày anh luẩn quẩn trong trại, hay đứng nơi hàng rào xin xỏ tí cháy của đám tù K.30 làm nghề mộc kiêm nấu bếp cho bệnh xá. Đám mộc không ai tiếc gì anh bạn nửa điên nửa khùng tí cháy hay tí cơm thừa canh cặn, nhưng nội quy đã cấm ngặt chuyện "liên hệ linh tinh," vì thế ít khi người xin được thoả mãn. Nhưng từ lúc biết trước khi khật khùng anh ta từng là một kỳ vương vô địch trại, đám mê cờ bên bệnh xá hay K.30 thường có kẻ liều lĩnh giấm giúi cho anh thứ này thứ nọ, nhưng đặt điều kiện sau đó phải đánh một ván cờ. Anh ta hay cười khinh, bảo, "Một là đánh qua hàng rào vi phạm nội quy, vệ binh nó bắn chúng mày bể gáo dừa; hai là điên cũng có tư cách thẳng điên chứ, tao ăn gỏi chúng mày vinh dự gì!" Vì thế cho thì cho, không cho thì thôi, anh ta không bao giờ nhận đấu với ai cả.

Từ biết chuyện đó, cụ Hoà như lâm bệnh bồn chồn, giống chàng trai háo sắc biết sát vách nhà mình có giai nhân khó tính, và nếu long phụng không kỳ duyên một bận thác xuống tuyền đài hận ấy khó tan. Dưới mắt cụ từ nào tôi là người mê cờ dù chẳng bao giờ cụ thêm đánh với tôi. Đột ngột một sáng cụ thều thào bảo, "Ông đánh pháo được. Nhưng nhớ, từ cổ pháo khắc ra lửa đến thẳng tù ho lao khắc ra máu chỉ là nhấp nháy. Để tôi chỉ cho." Từ đó tôi lâm căn bệnh khác. Pháo đâu xe đó. Cụ thở dài, giọng bí hiểm, "Xe để tung hoành và được hưởng vinh dự cho thiên hạ 'tùng thiết,' xe không làm nhiệm vụ bọ dít đũa nào cả. Ông thủ như thế đời ông sẽ đầy những 30 tháng 4. Đừng giận. Ông làm quan văn lợi hơn quan võ. Ông không có tay... sát quân!" Tôi không giận cụ Hoà mà cảm kích, dù thực tế tôi không nhận ra được rõ ràng khuyết

điểm của chính tôi, nhất là tôi không nhìn ra hệ quả của nước cờ tôi đi, giản dị là vì nào tôi có nhìn thấy trước được ba nước cờ cho cam.

Lần ấy tôi nhìn cụ, cười:

"Từ động viên tôi đánh mới mười trận lớn nhỏ, sau về văn phòng."

Cụ nói nhỏ:

"May."

Tôi chẳng hiểu may là may thế nào, may cho tôi hay may cho lính, tôi cũng đáp nhỏ:

"Vâng, may."

Cụ Hoà đột ngột nhìn tôi, trở giọng nhỏ nhẹ, gần với nằn nì:

"Tính nhờ ông một chuyện."

"Gì thế cụ?"

Cụ ngẫm nghĩ, rồi gãi râu:

"Của đáng tội chẳng giấu gì ông, lúc này tôi mất ngủ quá."

"Sao cụ không xin ông Khái ít viên an thần?"

"Không, là chuyện khác..."

"Chuyện khác?"

"Nhưng chắc ông giúp tôi được."

"...?"

"Ông gạ hộ tên gì ấy nhỉ, tên gì bên K.4 ấy, hay đứng ở hàng rào xin cháy ấy, đánh với tôi một ván cờ."

Tôi nhìn cụ khá trân trân. Cụ có vẻ bối rối, bảo, "Ông đừng hiểu lầm. Hiểu thắng làm gì còn rể con rể cái nào trong tôi. Nhưng khó nói lắm, không đụng với hấn một ván tôi khổ sở thế nào ấy."

Tôi khoa tay:

"Hiểu, cụ đừng lo, tôi hiểu. Để tôi cố dàn xếp giúp cụ."

Khi đứng lên, nghĩ sao, cụ Hoà trao cho tôi một lon muối mè, dặn:

"Ông cứ đưa cho hấn, bảo thật với hấn đây là món quà của một lão già trên đời chưa ngán một ai."

\*\*\*

Hôm ấy là ngày 2 tháng 9 năm 1977, ngày cai tù lớn nhỏ tíu tít rượu thịt với những cuộc thi đấu thể thao, đấu cờ tướng vân vân lan vào cả các trại. Hiếu, giờ tôi đã biết tên anh ta là Hiếu, vẫn trần trụi lang thang lếch thếch như ngày thường. Điều ấy có nghĩa anh không tham dự các cuộc vui, dù là cờ tướng môn sở trường của anh. Anh ra đứng nơi hàng rào, nhìn đăm đăm ống khói nhà bếp bệnh xá đang nhả khói lên trời như cái ống khói xe lửa.

Tôi hỏi:

"Hết lon muối mè chưa?"

"..."

"Hết quà người ta thì chiều người ta đi chứ!"

"..."

"Làm bậy một ván đi. Hôm nay 'nễ nớn ăn thịt lợn,' vệ binh không ăn thịt người, bày ván cờ ngay góc rào này nhé?"

Đến lúc ấy Hiếu mới nhìn tôi, nói cụt ngủn:

"Tao là rỗng."

"Thì biết mày là rỗng. Nhưng mày có biết vì sao rỗng thành truyền thuyết không, vì nó lấu cá, nó chẳng cho ai nhìn thấy bao giờ. Tao ngờ mày vậy đó. Chỉ vênh váo thôi. Mày dám phô hình tích mày ra không? Tao sợ rồi người ta gớm mày như gớm một con sâu lớn."

Hiếu đỏ mặt tía tai. Công hiệu rồi. Tôi nghĩ bụng. Tôi nghĩ tôi phải phịa thêm một điều gì để khích hấn. Tôi tiếp, "Trước ông cụ từng đi đấu với các kỳ vương bên Đài Bắc, Hương Cảng, Tân Gia Ba đó mày. Ông ấy lớn lối lắm. Dầu sao tụi mình cùng lứa. Mấy ngày nay ông ấy bảo mày già dái non hột, tao cũng bực."

Thế là chịu hết nổi. Hiếu sùng cồ. Anh ta nhếch mép lên như một con chó dữ, gằn giọng:

"Kêu lão ấy đem cờ ra đây. Tao sẽ cho lão biết con người giống trái cây chổ nào. Tròn trước đầu cứ chín trước!"

\*\*\*

Nắng chang chang. Giữa khi bọn vệ binh quản giáo K.4 và K.30 reo hò ngoài sân đấu bóng chuyền, và ở các trại nhà bếp sửa soạn phát thức ăn cho các khối tù, thì nơi hàng rào giữa bệnh xá và K.4 diễn ra một ván cờ. Bàn cờ đặt bên sân bệnh xá. Lũ tù mê cờ ở cả hai bên vây chặt như làm một hàng rào che chở cho cuộc tranh hùng giữa hai cao thủ họ vốn chờ đợi.

Cụ Hoà đã thay bộ quần áo lạnh lặn nhất của cụ từ lúc nào. Một quần ka-ki và một áo sơ-mi trắng còn khá mới. Đối thủ của cụ thì vẫn thế, vẫn trần xì một manh quần đùi bao cát. Họ thò tay qua hàng rào cùng nhau sắp cờ. Đôi bên đồng ý chỉ đánh một ván, không hai. Một anh tù nấu bếp nãy sáng kiến. Anh bung ra một khay gỗ nhỏ, trên đựng bát canh còn bốc khói, một bát cơm và ba điều Vàm Cỏ. Anh bảo đó là quà tặng kẻ chiến thắng trong "trận cờ thế kỷ."

Và trận chiến khởi sự sau lúc bình cờ lần thứ hai. Cụ Hoà đi nước trước. Đi qua đi lại vài nước dưới trời nắng mặt cụ sạm lại nhanh chóng. Bên kia Hiếu chỉ cười cười, vừa bí hiểm vừa lạ lùng, nhưng thật rõ ràng cái kiểu khật khùng ngày thường đã biến đâu mất. Anh ta đột ngột ăn nói linh động hẳn, dí dỏm là khác. Anh bắt đầu trở giọng giễu, gọi cụ Hoà bằng tổng thống. "Ấy chết, sao coi khinh mạng chốt thế hờ tổng thống," hoặc, "Tặng pháo về miền Tây? Ngon về đi. Muốn tự tử cho tự tử." Có lúc cụ Hoà vò đầu vò cổ, Hiếu đổi giọng nghiêm trang, bảo, "Xin tổng thống trao quyền cho tôi. A, một lữ đoàn Dù hay Thủy Quân Lục Chiến đủ chiếm Nam Vang. Lon Nol ôm lấy chân ta mà xin lập thế ý dõc." Anh nổ pháo cái đét bắt thêm con chốt đầu của cụ Hoà, giọng tỉnh khô, tiếp, "A, vò vại đáng cố vấn làm con tin nữa chứ, viện trợ lại tái ồ ạt, để mà trở mặt giữa đường." Vài phút nữa Hiếu phá lẻ cặp pháo ác liệt của đối phương. Đến lúc đó anh mới cười hề hếch, quay hỏi đại một người, "Ông Minh, bên Không quân còn bao nhiêu C.B.U? Miền Tây đánh ba năm chưa thủng. Chỉ cần một năm sống dưới ách VC là biết mùi đời. Xanh vò đỏ lòng đến mấy không vùng lên trong lòng địch tạm chiếm cũng tìm đường về nhập phe ta."

Cụ Hoà thốt vùng đứng lên. Rồi như thấy rằng sự nóng giận không phải cung cách đối xử của bậc vào tuổi cha chú, cụ chấp tay nói vẫn gọn với đám đông, "Tôi thua!" và thò tay qua hàng rào, nhìn sâu vào mắt Hiếu, bắt tay, nói khẽ một câu không ai hiểu nghĩa, "Chúc em may mắn!"

\*\*\*

Nỗi tám tức của tôi vẫn nguyên vẹn như nhiều năm trước mỗi khi nhớ lại cục diện ván cờ. Hôm ấy cụ Hoà không nhận khẩu phần có đủ "chất béo chất ngọt chất tanh" của ngày lễ. Cụ nằm ồm trên giường cả ngày. Có lúc tôi ghé hỏi thăm cụ chỉ thờ dài, bảo, "Đời là ván cờ. Tôi hết nước. Tận tuyệt. Nhưng hẳn, à, đừng nhầm nhé." Giọng cụ đột ngột nhỏ hẳn, tiếp, "Khoái Kiệt đấy. Sử dụng xa mã đến thế không là kẻ bó gối đâu. Để rồi ông xem."

Tôi không màng đến những lời bí hiểm của một ông già tôi vốn xem là yếm thế. Nhưng thật bất ngờ, khuya đó tiếng keng báo động vang inh ỏi và ngay sáng hôm sau ai cũng biết bên K.4 có người trốn trại. Hẳn đã băng qua bãi mìn, nhảy chuyến xe lửa bốn giờ sáng và thoát. Người ấy là anh chàng Hiếu.

Năm sau ở trại Hàm Tân nghe tin cụ Hoà mất tại bệnh xá Suối Máu vào một ngày cuối năm lạnh lùng, cứ nghĩ đến cụ là một bàn cờ còn đủ xe pháo mã lại hiện lên trong trí tôi. Tôi buồn dù không biết chắc mình buồn điều gì. Nỗi buồn ấy đôi khi thấm thía như chuyện đất nước, đôi khi man mác như niềm ân hận đã đánh mất và không thuộc được bài thơ cụ từng dịch tặng tôi ngày cùng nằm khu lao trại tù Suối Máu. Đó là bài "Ông Đồ Già" của Vũ Đình Liên, cụ dịch sang Hán văn mà câu duy nhất tôi còn nhớ chỉ là cái tựa: Lão Nho Già.

Tôi có sai không nếu bảo lão nho già ấy có huệ nhãn, từng thị kiến được một người bạn trẻ qua một ván cờ, dù thua?

## Quý xương vắn

Mới đây anh về Việt Nam một chuyến, về thăm cha già ốm đau và cải táng phần mộ mẹ anh. Cha anh ở Sài Gòn và mẹ anh còn ngoài Thanh Hoá. Hơn bốn mươi năm mộ vẫn còn. Lạ? Không đâu, ấy là nhờ trong khối nhân dân bản cổ còn sót một số trình độ tiếp thu tư tưởng cách mạng kém cỏi, nhờ cách mấy vẫn không thông chính sách cào bằng lấp sạch.

Anh mặc tang phục, mua hương nến, các thứ cần thiết thuê thợ cải táng. Áo quan mẹ anh xưa bằng gỗ vàng tâm, bền như sừng, thế mà khi mở xương khúc còn khúc mất. Anh nhìn xuống mộ huyết khóc cười tùy lúc. Anh Mới, người kéo xe tay cho mẹ anh xưa, giờ đã là ông cụ hom hem ngoài bảy mươi, ngạc nhiên hỏi vào tai anh:

"Cậu khóc hay cười đấy?"

Anh nhìn kín nhiều người lạ mặt, đáp khẽ:

"Cả hai. Phải thích nghi hoàn cảnh."

Anh Mới hiểu, giọng gần với sự biếm nhẽ:

"Ngoài quy hoạch hết rồi. Cả nước đã tự do khóc, cậu khóc tí nữa không sao."

Thế là anh khóc, khóc to hơn cả ngày thơ ấu lúc mẹ anh mất.

Cải táng xong anh rời khách sạn, ôm lư sành nhỏ đựng cốt mẹ về Thọ Xuân, chỗ anh ra đời và chỗ sống của anh Mới hiện tại. Nghỉ thêm ít bữa, anh Mới hỏi có muốn quay lại thị xã thăm thú cơ ngơi cũ của gia đình ở phố nhà Chung không, có muốn về nhìn lại quê hương tổ tiên ở Ba Làng huyện Tĩnh Gia không? Anh Mới dù gì vẫn là nhân dân. Còn anh con cháu giai cấp nợ máu. Nhân dân khiến sao anh làm vậy. Và quả đúng như lời anh Mới nói: "Cả nước đã có tự do khóc." Bà con anh khóc lu bù.

Anh tính đáp xe lửa về lại Sài Gòn rồi từ đó trở sang Mỹ, nhưng anh Mới bảo chẳng biết bao giờ gặp lại, nên vào Nghệ một chuyến. Ở Nghệ anh Mới biết gia tộc anh còn nhiều chi họ nội ngoại. Suốt mấy mươi năm chuyên chính vô sản, thứ tình cảm tư sản độc hại lây từ gia tộc anh anh Mới chữa không dứt, vì thế vẫn lén lút duy trì mối liên hệ linh tinh với họ hàng chủ cũ -- những kẻ bị lịch sử vô sản tiêu diệt lóm đóm. Anh Mới mua vé xe đem anh xuống Nghệ, dặn cứ y cách ở Thanh mà khu xử. Nhờ ơn bác đảng không còn là khẩu hiệu trí trá phổ thông với nhau nữa, giờ cứ nhờ ơn phong bao trong có ít tờ xanh xanh là nhất. Đó mới là tình nghĩa quốc tế keo sơn thứ thiệt.

Rời Thanh như rời một giấc mơ. Xuống Nghệ như đi vào giấc mơ khác. Anh cố nhẫn nhịn để câu thơ "Đường vô xứ Nghệ quanh, non xanh nước biếc như tranh họa đồ" hướng dẫn thế mà không xong. Rừng thì phá, núi thì khoét, đường thì ổ gà; nói tóm lam nham như bức dư đồ rách. Cuối cùng anh tóm được trong anh cảm giác trung thực hơn cả: Chân không chạm đất, đầu không chạm trời, thần trí không chạm người. Anh thấy như anh đang phiêu diêu vào một cõi âm. Chỉ khi ôm sát vào lòng chiếc lư sành nhỏ đựng cốt mẹ anh, anh mới bừng tỉnh nhớ mình còn ở cõi dương. Nhưng điều tàn đố nát cũng có cái thẩm mỹ riêng của nó, vì thế cứ tức cảnh sinh tình anh đều đề trong óc một đoạn tứ tuyệt. Nhưng lạ, khuya đó ở nhà người cô họ, lấy giấy bút tính ghi lại thì đầu trắng bóc.

Buổi tối sau cơm nước, khi anh Mới đã ngáy như hùm anh mới hỏi han cô anh nhiều cố sự. Cô không nhớ gì nhiều, mà có thì lộn xộn lắm; đôi khi anh còn phải kín đáo điều chỉnh vài chuyện vụn vặt trong gia tộc, dù ngày còn bé anh chỉ nghe lóm.

"Vậy thì cháu nhắc nữa đi cho cô nhớ với," cô xúc động bảo. "Dĩ vãng chốn này tựa thú hiềm cháu ạ, nhiều thứ tuyệt chủng từ lâu, phiêu lưu vào nó thế nào cũng lộn mòng ra thực thực ra mòng."

Đêm ấy trên chiếc chõng tre anh bắn khoản quá. Hay đây đúng là nơi người ta dị nghị vùng đất

ít người nhiều ma? Cô là con nuôi ông chú -- em ruột ông nội anh. Xưa ông chú anh giàu. Cha anh từng kể thời tiêu thổ kháng chiến Việt Minh phải đặt về mà phá nhà ở Vinh: "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, Hoan hô bộ đội phá nhà MT." Di sản ấy sót lại nơi đây là ít người như cô, một bà già ngoài sáu mươi ốm yếu, không chồng con, lam lũ như một bà nhà quê. Quyền làm người của cô là được sống sót. Nhưng giờ có vẻ cô sống thoải mái hơn. Nói kiểu biện chứng sự thoải mái ấy là nhờ cách mạng vừa thực hiện thành công cuộc đổi đời mới nhất và sau cùng nhất. Từ đổi mới, giai cấp vô sản -- kẻ cựu thù với giai cấp dưỡng phụ cô -- đã lạng lẽ hèn nhau chạy túa theo con đường mưu cầu tư sản từ hồi nào, do đó chẳng ai còn rảnh rang, còn tai mắt đầu mà nhóm nhỏ dao thốt nhà cô, suy bì với lối sống "bóc lột" của gia tộc dưỡng phụ cô dù nó đã được mai táng từ nửa thế kỷ trước. Cô nghiêm nhiên trám chỗ hoàn toàn và triệt để khoảng trống vô sản bao la nhân dân vừa bỏ lại. Phần già chậm chân, phần kinh cung chi điều, cô đành tận tụy với giai cấp mới nhưng vừa cũ mà xưa cô chỉ là kẻ tân tòng. Trong mắt anh, cô có nhiều triển vọng sẽ mang vinh dự người gác đàn sau cùng trao chìa khoá thiên đường cộng sản cho một thế lực mới nào đó đến tiếp thu một ngày không xa.

Một hai ngày đầu anh nuốt không vào miếng cơm độn đã nhiều chục năm trở thành xa lạ. Anh dấm dúi phong bao cho cô, khá, thế mà quanh đi quẩn lại vẫn cơm độn với canh đủ xanh nấu cá trồng khô, bữa nào đôi lăm có thêm tí trứng rán. Anh hiểu và thương. Thương để sinh con người có kèm một ân huệ phụ: Thói tập thành huyền diệu. Cách khác, mù mịt thân được bóng tối. Nhà cô nằm bên bờ sông Lam có núi Thành không xa nhìn xuống. Căn nhà lá vách đất mới đây rừng mình biến thành căn nhà ngói vách ván. Nhờ phép lạ kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Cả nước để sống bắt chước nhau đối trá như cuội, riêng về sự khá giả lại thật như đém. Cô siêu nhân sao mà dám đi ngược xu hướng thời đại. Cái khoản nhà ngói cây mít cô thú nhận họ hàng từ nước ngoài gửi tiền về giúp. Một lần cúi vo gạo bờ ao, thấy một lão già thoảng qua, cô có vẻ thất sắc, vòng tay kéo ngay vạt áo lưng xuống. Trông dáng dấp một bà cụ ngoài sáu mươi làm trò thiếu nữ anh có ngạc nhiên hỏi:

"Ai thế?"

Cô không đáp, thăm thì:

"Lạ, sao dạo này lão về hoài."

Rồi cô quày quã mang rá gạo vào nhà, cài then cửa trước, không hé môi gì thêm. Trưa sau anh lại thấy lão. Lúc ấy lão ngồi thả câu bên cái ao cá có tám biển đề "Ao cá bác Hồ." Thấy lão trầm ngâm, râu ria đạo mạo anh tò mò lân la làm quen. Nhờ cái cần câu làm vội anh nhanh chóng được lão chấp nhận bạn câu. Lão phá đi sự cảm lạnh như cái cối xay dưới lòng ao để trò chuyện với anh. Lão mặc bộ quần áo nâu xuềnh xoàng nhiều túi, chân vẫn dép râu đầu vẫn nón cối. Dù sao nhìn chung lão có tí cốt cách, duy giọng đục, xa; sự đục và xa ngang với dĩ vãng của anh, một dĩ vãng dài hơn bốn mươi năm mới lại được về chỗ cũ ngồi dưới một gốc sung thả câu bằng quơ thế này. Nhìn những con nhện nước chạy ngang dọc trên mặt ao anh rừng mình. Thốt nhiên anh nhớ lại những nẻo đường anh từng chạy ngang dọc trên đất nước, trên mặt địa cầu.

Anh bắt chuyện trước:

"Đây ra sông mấy bước sao cụ câu ao?"

"Tuổi già nhìn nước trôi như nhìn thời gian, chóng mặt lắm."

"Ao có cá chứ cụ?"



"Đất nước ta rừng vàng biển bạc, cá thịt xuất khẩu không hết, câu cho vui, miếng ăn nào phải vấn đề."

Anh nghĩ thầm có lẽ lão là một cấp ủy chi đó đã hưu. Mà thế thì thôi. Xảo trá ăn vào xương một lão già chỉ thần chết cạo được. Anh tiếp tục, "Cụ bà và các anh các chị ở quanh đây cả chứ?"  
Lão lạnh lùng:

"Cụ bà thì không còn con cháu rải rác đếm chi xuể. Và ai đi làm cách mạng cũng thê tróc từ phược cậu nghĩ đem đất nước đến được kết quả thế này?"

Anh rút thuốc lá mời lão. Điều thuốc Mỹ khiến cảm tình một người cách mạng lão thành dành cho anh nảy nhanh như bèo tấm mùa xuân. Rít mấy hơi liền giọng lão có vui, bảo:

"Thơm, thuốc Mỹ vẫn thơm!"

Thấy lão già cũng phàm tục như ai, anh nổi máu đùa khá suông sã:

"Cụ vừa bảo không cụ bà lại lắm con cháu là sao?"

Lão không đáp ngay câu hỏi mà mông lung kể một câu chuyện:

"Các cụ xưa có dạy 'đàn bà ra chợ là vợ đàn ông.' Mà nhảy vào cách mạng thời chúng tôi khác nào nhảy vào cái chợ quốc tế. Thôi thì mặc sức. Thời còn trẻ hoạt động tôi có thằng em song sinh đa tình, đi đâu vợ đó, sau hai trứng dái, xin lỗi cậu, lúc chết phát to như trứng dái dê." Đột ngột lão ta đổi giọng nghiêm chỉnh, "Cậu nước ngoài về?"  
Anh chột dạ:

"Sao... cụ biết?"

Ngẫm nghĩ giây lát, lão thở dài:

"Tôi chán sự đánh giá người cách mạng của các cậu lắm. Luôn luôn các cậu tưởng chúng tôi ngu. Không đâu. Cả một đời đứng và thẳng đủ các thế lực ngoại thù đế quốc thực dân, thủ tiêu hết các giai cấp nội thù phong kiến tư sản đảng phái Việt gian phản động, xin lỗi cậu, tai mất mũi cách mạng không nhạy như chó thì nghe sao ra ý đồ xấu xa, thấy sao ra quyền biến mưu mẹo, ngửi sao ra vàng bạc châu báu chôn giấu? Phớt qua tôi biết cậu vừa cạo râu có bôi nước Old Spice; và gói thuốc của cậu nữa, sự bèo nhèo không tổ giác cung cách kẻ quen thừa mứa hàng tiêu dùng đấy sao?"

Anh hơi lợm nhưng chột hiểu rõ hơn một điều đã hiểu.  
Thấy lưỡi câu của lão máy động, anh giục:

"Cá lớn đấy, giật đi cụ!"

Lão nhìn anh cười khinh:

"Mất cách mạng không phải mất dân thường. Máu còn chả khúc xạ được tia nhìn chúng tôi nữa là cái mặt nước ao. Cậu muốn tôi bắt một con giếc nhãi? Này thanh niên, đã cất công giật câu phải được cá kình!"

Cho là lão già kiêu ngạo gàn dở, anh toan đứng lên thì lão ghì anh lại bằng câu hỏi đột ngột, "Bên Mỹ thế nào? Sau bang giao cậu thấy sao?" Từ khi bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất anh đã tự dặn lòng hai điểm phải tránh: Điều thứ hai không nói chính trị sau điều thứ nhất chớ đã động đến họ Hồ. Bên Mỹ thế nào, bang giao ra sao đều có tính chính trị. Anh đánh bài lờ. Thấy anh im lặng, lão liếc, nét tinh quái hiện trong khoé mắt. Một lát lão trở giọng phủ du, "Giờ cời mở. Vớ lại vùng này tôi tiên chỉ. Nói với ai cậu ngại chứ với tôi cứ tự nhiên. Ở đây tôi toàn quyền ngồi xồm trên mọi chính sách." Anh không quan tâm lắm đến những lời huênh trợn cay đắng của đám cán bộ già hết thời. Về đây chạm hạng này nhiều rồi.

Cổ tỏ ra chút ngạc nhiên, anh hỏi:

"Thời xã hội chủ nghĩa làng xã cũng có tiên chỉ nữa sao?"

Lão cười:

"Hỏi bà gì ấy nhỉ, bà cô của cậu ấy khác rõ."

Lão kéo câu gấn mỗi mới. Anh lẩm bầm, "Thế ra bình mới rượu cũ, vẫn tiên chỉ thứ chĩ!" Lão nghe lọt, nhìn anh như thương hại cho một con câu non, giải thích với giọng khá chân thành, "Làm cách mạng là để đạt được những cái xấu, cái tiêu cực thớm phức của giới cai trị mà khi chưa cướp được chính quyền người cách mạng thèm, xin lỗi cậu, như chó thèm xia, hà tất chĩ tí đầu lợn làng xã."

Cảnh giác ban đầu mất biến, anh nổi tò mò:

"Hoá ra cứu cánh là tư lợi phương tiện là cách mạng?"

Lão vung tay. Sợi dây bắn ra giữa mặt ao. Lão hình mũ:

"Cậu đọc Hàn Phi, đọc Machiavelli đấy chứ? Những liên hệ hữu cơ giữa người với người, giữa cai trị với bị trị đều vì tư lợi tuốt luốt. Ông tiên chỉ gấn với làng xã để hưởng cái đầu lợn, cách mạng gấn với nhân dân để hưởng sự toàn quyền ban phát những cái đầu lợn thừa mứa. Ấy là nói kiểu biểu tượng đấy thôi. Mà cậu xem. Con cá dưới ao tù còn phát triển, quyền lực lãnh đạo nửa thế kỷ qua cậu tưởng bị còi? Mồ hôi nước mắt nhân dân vô ích? Nảy nở không lường được nữa cao rộng không đo được nữa cậu ạ."

"Thụy kỳ chung..."

"Hà hà... thì thế. Đã gần đất xa trời quanh co với trẻ làm gì. Nói trắng với cậu chúng tôi phát động cách mạng là để lập lại chu kỳ lịch sử bằng cách tinh vi và khoa học hơn, có thể mới tồn tại, mới muôn năm trường trị được. Cậu vừa chê chúng tôi phong kiến? Trở lại phong kiến và biến phong kiến thành siêu đã từ lâu lắm."

Anh ngẫm nghĩ giây lát, hỏi dè chừng:

"Không nên không phải cụ bỏ qua cho, tôi nhớ Saint-Just có nói 'chẳng ai cai trị mà không phạm tội ác.'"

Như một người thừa thông minh vật, lão già cười hếch lên:

"Lời thú tội của một tên ấu trĩ! Lão luyện phải nói thế này, chẳng ai cai trị giỏi mà phạm tội ác."

"Tôi...."

"Đáng thông cảm. Trình độ cậu chưa hiểu nổi đâu. Cứ xem như quá trình cách mạng vô sản nước ta, đẩy cậu thấy, bọn phản động công phá bao năm rồi thẩm tháp gì. Như đồng chí Văn Cao viết, cách mạng chúng tôi có bao giờ nhợn chuyện 'uống máu quân thù.' Nhưng ai sẽ là kẻ bị lên án uống máu, uống từ vụ đấu tố cải cách ruộng đất, đến vụ Nhân Văn & Giai Phẩm, vụ xét lại chống đảng, sau này vụ tù cải tạo, vụ đánh tư sản, vụ đào mồ bốc mả cả miền Nam lên, vụ bách hại các tôn giáo, đàn áp trí thức văn nghệ sĩ, cả vụ bán dân cho cá mập biển Đông lấy vàng?"

Anh choáng váng thấy lão phun sự thật trong cung cách lạnh lùng vô cảm. Tay nhấp nhấp cần câu, miệng lão vẫn đều đều, "Giá như, tôi nói giá như thôi đấy nhá, lịch sử làm một cú lộn lèo thì kẻ lãnh án uống máu là ai? Ốc nhân dân sáng tạo phục vụ Tổ quốc thì bao la nhưng khả năng nhận diện những kẻ uống máu thì hạn hẹp lắm. Tôi bảo đảm với cậu nếu lịch sử tráo trở sẽ khó tránh cảnh 'đầu đường cổ lính treo cao, cuối đường cảnh sát dao vào sau lưng.'" Vô cơ anh thốt la lên:

"Họ đâu là thủ phạm, họ thừa hành!"

Lão già trầm ngâm hẳn. Lão ngược nhìn trời. Thấy xé bóng lão khoan thai thu lại mớ đồ nghề câu. Có tiếng chim chích choè loé sau bụi tre. Anh ngửi thấy mùi cơm độn khoai toả sau mấy cây rơm. Và mùi canh đu xanh nấu cá trổng khô nữa. Anh ngược nhìn núi Thành xa xa, bất giác thấy giống một mộ bia cao ngất chạm trời, và rừng mình nhìn dòng Lam như vừa biến thành dải tang bất tận dưới màu chiều lạnh.

Lão già đã sửa soạn đứng lên. Rõ ràng lão không có ý thân thiện mời một người từ ngoại quốc về ghé thăm nhà lão. Lão nhấp miếng nước đựng trong một vỏ bầu khô. Anh ngửi thấy mùi rượu thơm khá quen thuộc. Nhưng lão không cho anh thêm thì giờ thám thính trên con người lão. Lão vượt bộ râu dài chẳng để gỡ rối mà hình như vì thói quen. Ngoảnh mặt chỗ khác, lão nói khe, "Vì thế tôi mới hỏi cậu bên Mỹ lúc này thế nào, sau bang giao ra sao?" Anh lúng túng. Có lẽ đoán anh tối dạ, lão đội chiếc nón cối trắng lên đầu, tiếp, "Thường lãnh đạo thời nào cũng thế cậu ạ, đặc quyền đầu tiên là không phải trực tiếp xông pha hòn tên mũi đạn, kể nắm xã tắc trong tay, kể nữa tội ác chế độ có dê té thần, và sau chót giá như con quỷ lịch sử trở mặt, họ luôn có chỗ dung thân an toàn cho cả chó mèo. Mà thôi, hỏi cậu vậy thôi, chứ Mỹ thế nào, sau bang giao ra sao đây thông cả. Giờ kiếu nhá. Già nó vậy, cơm rượu phải đúng cũ, muộn chút khó ở ngay."

Lão lửng thừng vác cần câu bước ra bờ sông Lam. Anh cũng đứng lên, bần thần, một lát sực nhớ, hỏi với theo:

"Thế cụ ở đâu, cụ làm gì sống?"

Lão như miễn cưỡng dừng lại, nhưng không đáp, mà hỏi ngược:

"Thế cậu về làm gì?"

"Dạ hốt cốt mẹ tôi."

Lão bật cười thành tiếng:

"Quả lạc hậu là bệnh di truyền khó chữa. Sao người ta cứ thích sống với người chết thế nhỉ! Nhớ, không phải ai chết cũng đáng nhắc mãi, nhớ mãi; vinh dự ấy chỉ dành cho các lãnh tụ anh minh đã được sách sử đóng mộc thừa nhận sẽ sống mãi trong quần chúng thôi."

Đã hiểu "muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa," mà lão ta không là một

con người xã hội chủ nghĩa thuần thành đó sao, anh thấy hề nếu biến đạo lý thành chuyện tranh luận, nên bấm bụng lập lại câu hỏi cũ:

"Thế cụ ở gần đây chứ?"

"Bảo gần không phải bảo xa cũng không đúng. Mà cậu hỏi làm gì?"

"Tôi còn ở đây ít ngày, muốn đến... chơi cụ."

Lão không giấu nổi nét nghi ngại, cười nhạt, giọng khá bí hiểm:

"Đảng đứng trên đứng ngoài chứ không đứng kè đứng giữa nhân dân bao giờ. Xấp gần là cách dẫn đến họa tru di tam tộc nhanh nhất. Tôi mong cậu hiểu cho thâm ngôn bất di dịch của người làm cách mạng vô sản chuyên chính nhà nghề như chúng tôi, cho dù tôi đã hưu từ lâu lắm."

"Vâng, nhưng ít nhất..."

Như đoán ra câu hỏi, lão nói luôn:

"Hỏi cô của cậu ắt biết. Hàng năm tôi vẫn về Nam Đàn nghỉ mát. Gần đây thôi. Ném lẳng hoa cũng tới."

Rồi lão gãi tai xin anh thêm điều thuốc, bảo ban trưa đừng trí bỏ quên gói thuốc ở nhà. Anh đưa hết gói thuốc Mỹ còn sót dăm điều cho lão, ý cũng ngầm xem kỹ nét mặt lão lần nữa trước lúc lão ra đi. Nhưng như biết ý đồ anh, lão lẩn tránh bằng cách cúi đầu châm thuốc, nhả khói mờ cả mặt, thần nhiên quay gót. Những ngọn cau ngọn dừa xô dạt. Mùi sông nước đồng áng khi không tanh tanh lẫn với mùi lịch sử khi không cũng tanh tanh. Anh đứng bất động nhìn theo lão già khuất sau một bụi tre gai. Một dải nắng chiều sáng loé. Hình ảnh cuối của lão anh ghi được chỉ là một khoé mắt rất lạnh, nét môi dày và một vành tai bặt nhĩ; sau đó chỉ còn tiếng gió lộng như có lộn tiếng cười rền kỳ dị của lão.

Anh về. Cô hỏi đi đâu và bảo sửa soạn ăn tối. Anh đáp ngòai câu với lão già. Sự nhớ cả buổi quên hỏi tên lão, anh hỏi cô, cô im lặng. Nhìn ra ngoài trời chạng vạng, cô nói "Tháng này sương xuống sớm, tắt nắng đã u ám như bãi tha ma." Cô quay nhìn anh dạn cách khó hiểu, "Còn chơi đây ngày nào cháu nên thận trọng." Nói đoạn cô bước xuống bếp, lẩm bẩm, "Rõ thần suy quý lộng," và lặng lẽ lấy treo trước cửa một xâu tỏi đã mối mọt nhiều.

## Cư sĩ



Cụ Đạo là người hạnh phúc, hiểu theo nghĩa có một cuộc đời êm ả hạnh thông, con cái đỗ đạt. Trẻ từng tu chùa, lớn không thoải mái cụ hồi tục, lập gia đình. Lương thiện là bước đầu phải có của một người tốt, cụ tin thế, mọi thứ khác theo sau. Tuổi hưu cụ vẫn hồng hào, đọc sách báo không cần kính, đi không cần gậy. Nhà thương xứ Mỹ chưa lấy được của cụ đồng bạc nào cho đáng như ở các cụ bạn. Lại nữa từ nước nhà ra nước người cụ được làm một nghề duy nhất cụ thích, nghề quản thủ thư viện. Chỉ một bệnh cụ có từ trẻ là chứng tê tay. Có khi rờ ấm trà thật nóng cụ không cảm thấy gì. Cụ không quan tâm chữa trị.

Từ hưu đời sống cụ đậm thay đổi. Nhà con cháu vắng dần. Xứ này vậy. Cơm áo nghề ngỗng lời mỗi đũa một nẻo. Nhưng ngạc nhiên thay, hai vợ chồng già xem ra lại tất bật hơn, ấy là do khách khứa.

Cụ bà là người nhân từ, thuận thảo từ trẻ. Cụ như cái bóng đen lặng lẽ và trung thành của cụ ông, như cánh bèo nương theo con nước, đứng đạo xướng tùy. Mà khách nào phải hạng rượu chè cờ bạc gì, toàn những vị thức giả, đến để đàm đạo với cụ ông những vấn đề nhìn chiều nào cũng thấy nghĩa lý. Từ những vấn đề siêu hình như con người từ đâu tới rồi đi về đâu, khổ đau rời khỏi mặt đất phải vì đã không được chọn lựa khi đến mặt đất, tiếng khóc có thực là phản diện của tiếng cười; hoặc thực tiễn như nhai miếng cơm phải nhiều lần ra sao, điều tiết hơi thở quan trọng thế nào... Không thiếu lúc ngồi nhà sau thiu thiu ngủ, cụ bà chợt tỉnh mỉm nụ cười đến từ một hồi tưởng. Nhưng nói chung cụ vui. Có người đàn bà nào kém vui khi chồng được đời tin tưởng? Lượng khách ở đây là thước đo sự yên bác của chủ nhà. Cụ Đạo biến thành một nhà thuyết giảng thật rồi.

Nhưng những hành động vong thân của một chủ thể phải chẳng thường thoát thai từ hấp lực của khách thể, của thế giới ngoại tại? Nhưng người vong thân hiếm khi tự nhận ra mình là nạn nhân một sự lệ thuộc. Có thể cụ Đạo không thoát khỏi lối mòn này. Dù sao bản chất khiêm tốn, có bao giờ cụ dám nghĩ đời tối; nhưng đời như áng mây nhàn nhã trôi qua, phiền hà gì ánh trăng không toả sáng cho mây thấy rõ hơn vũ trụ còn trùng điệp tinh tú? Nhưng mây thì dài quá, nhiều quá, mà trăng lại hữu hạn từ quang năng đến thời lượng hiện diện. Chỉ đôi ba năm cụ Đạo đuổi nhanh chóng về sức khoẻ và cạn cũng nhanh về kho kiến thức. Cụ âm thầm tự chống lại sự sa sút nhưng xem ra không hiệu quả. Cứ như một sa mạc phát tiết cạn nhiệt dần, một ngày cụ nhận chân một điều: Hạnh phúc chính là mình sống suy niệm với chính mình chứ không hẳn đem sự suy niệm ấy rao giảng âm ỹ cho ai. Các triết gia sẽ là triết nhân nếu họ im lặng. Rao giảng biết đâu không là một hình thái bộc lộ bé tấc? Xưa nay có phải cụ không biết bên kia cánh đồng hoa đẹp rực rỡ của đời là một bãi lầy bé tấc đâu. Hãy sống nhàn hạ đời hữu hạn với cánh đồng hoa, hà tất bước chi bước lớn để sa vào bãi đầm lầy mà ở đó, từ cổ kim, đám triết gia bất hạnh đã om sòm đùn đẩy nhau tới chia đều mỗi người một khoảnh.

Cụ Đạo đã nhận ra mình chọn nhầm lối rẽ ở một ngã ba. Cụ không tiết lộ với vợ. Và vì thế, cứ chiều đến là: “Hôm nay ông đãi khách trà gì để tôi liệu pha?”

Một tối đeo kính, chống gậy thả bộ một vòng quanh khu vực nhà, về tới trước cửa cụ ngăn người. Khóm dạ lan vợ trông hồi nào mà giờ sao thơm lạ lùng. Cụ đứng lại, dưới trăng, nhìn những cụm hoa trắng li ti ẩn hiện như bầu trời tinh tú thứ hai mơ hồ, huyền bí. Cụ bước lên thềm, chìm trong nghĩ ngợi. Đúng lúc đó, từ sâu trong tâm khảm, cụ thấy có gì máy động, rồi bung lơi, như tơ; nó khiến cụ ngất ngây, run rẩy, không thể giải thích, không thể chống cự, và cụ ngã xuống. Ít phút sau cụ thấy mình ngồi trong ghế bành. Về đêm nhà vắng ngắt như bao giờ. Bất giác cụ hiểu ra những sợi tơ lan dần ban này là hơi lạnh bốc lên từ một khối cô đơn. Cụ nhìn quanh.

Mừng quá. Đó là lần đầu cụ đột ngột ngộ được sự hiện diện của một con người có thực là bà vợ già lặng lẽ.

“Cơ khổ!” cụ bà nói. “Ông đi lang thang làm gì cho ngã sấp ngã ngựa. Ông dùng chút trà gừng nóng cho khoẻ rồi đi nằm.”

Cụ đỡ lấy tách trà từ tay vợ. Cụ lại sửng sờ. Đó cũng là lần đầu cùng lúc cụ cảm được hai luồng ấm lạnh thấm vào tay, dẫn vào tim, thật tách bạch, thật trong sáng, là hơi nóng từ tách trà và hơi mát từ bàn tay người bạn đời. Cụ Đạo cứ cầm tách trà như thế trong tay lúc lâu, và cầm cả bàn tay nhăn nheo của vợ nữa. Cụ buột miệng nói thào vào về mặt nửa dò hỏi nửa bối rối của vợ:

“Mình nhỉ, đời ngắn sao người ta cứ sống mãi với những thứ giả!”

Cụ bà nhẹ rút tay ra, nhớ mang máng gần năm mươi năm trước dường như đã một lần cụ ông nói câu ấy, duy chỉ khác giọng, và không nhớ rõ trong dịp nào.

*Alhambra 8-95*

\*\*\*

## Phụ đính II :



## Lan man chuyện thơ

Có lẽ đời Đường, Lý Bạch là nhà thơ có cá tính hơn cả, và cá tính nổi bật của ông là thích... ngồi cao! Xem, sống thì cứ bình thường để cho hai cái chân bám sát lấy mặt đất đi. Không, ông nhất định phải leo lên tuốt trên cao để tự so sánh mình với đỉnh núi Kính Đình cơ!

*Chúng điếu cao phi tận,  
Cô vân độc khứ nhàn;*



*Tương khan lưỡng bất yếm,  
Duy hữu Kính Đình san.  
(Kính Đình Sơn – Lý Bạch)  
Tạm hiểu:  
(Bầy chim bay xa lác  
Nhân tản một vầng mây  
Ngó nhau mà không chán  
Chỉ núi Kính Đình này)*

Nhưng dù Lý Bạch có thể nào ông vẫn là người may mắn có tri kỷ. Hởi xưa nay ngoài... chánh cung hoàng hậu, có đại thần nào lại được ngủ chung giường để lăm phen gác cả hai cái chân lên bụng vua, rồi khi nằm trong thì lán vua rơi xuống đất, nằm ngoài thì lán vua dính vào tường? Lý Bạch khi sống ngồi thì trên núi, kê chân thì bụng vua, nói tóm toàn ở chỗ cao nhưng khi ra đi lại thấp hơn mặt đất. Truyền thuyết bảo ông say rượu lọt sông chết đuối, nhưng cao hay thấp, yếu tố có “tri kỷ” phải chăng đã giúp ông rất nhiều hứng khởi trong đời thơ?

*Lá đào rơi rắc lối thiên thai,  
Suối tiến oanh đưa những ngậm ngùi.  
Nửa năm tiên cảnh,  
Một bước trần ai.  
Ước cũ duyên thừa có thể thôi.  
Đá mòn, rêu nhạt,  
Nước chảy, huê trôi,  
Cái hạc bay lên vút tận trời!  
Trời đất từ nay xa cách mãi,  
Cửa động,  
Đầu non,  
Đường lối cũ,  
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.  
(Tống Biệt – Tản Đà)*

Ở một khía cạnh khác cụ Tản Đà nhà ta còn sống chỗ cao hơn nữa. Mãi tận thiên thai. Nhưng bình nhật cụ vẫn sống hết lòng với những cái thú trần tục cung cấp được cho cụ. Cụ cũng là thi sĩ may mắn có tri kỷ. Trên đường đi nam về bắc đùa với bút chơi với chữ người ta kể rằng có lần cụ vào tá túc một gia đình vốn ái mộ thi tài của cụ từ lâu. Cơm bưng nước rót vào cái thời người khôn của khó chắc cũng có chừng mực về phẩm và vội vã về thời gian, vì thế, đại khái tiết canh thì thiếu húng quế, lòng lợn lại thiếu mùi thiếu hành, mắm rươi lại thiếu ớt cay chẳng hạn. Thế là cụ cạy luôn gạch trong sân nhà người ta lên cốt trồng mấy cái rau thơm cho tiện việc gia dụng. Với cái tâm tình rắc rối như của cụ mà thiếu đi những tri kỷ như vậy, sợ rằng cụ khó lưu lại được một sự nghiệp đa dạng và được lớp sau vốn có cái kiêu của kẻ tây học cảm phục thật lòng. Mở đầu quyển “Thi Nhân Việt Nam” Hoài Chân Hoài Thanh phải trịnh trọng cung chiêu anh hồn Tản Đà và kết thúc bài cung chiêu bằng câu “Xin tiên sinh hãy khai hội bằng ít bài thơ...” Và hai bài thơ “Thề Non Nước” thuần túy lục bát Việt Nam và “Tống Biệt” bên trên dù thi phong tân kỳ nhưng ý lời thật cổ của Tản Đà được chính thức đặt vào vị trí trịnh trọng nhất của quyển biên khảo về thơ của các thi nhân thời tiền chiến phần lớn ảnh hưởng tư tưởng tây phương.

Cho nên người làm thơ viết văn có được một tri kỷ trong đời thì phải bảo là sướng là may. Nhưng tri kỷ chỉ nằm dưới dạng như thế thôi sao? Thật thì không nhất thiết cứ là vua Đường vì mến mộ thi tài Lý Bạch, đôi khi cho mượn đỡ cả cái bụng để thi sĩ gác chân mới là tri kỷ; không cứ là ông thương gia ái mộ và dung chứa Tản Đà, cơm rượu ưu ái đãi đằng, và rồi thi sĩ có từ từ giờ những cái chướng ra cũng đành bấm bụng làm ngơ mới là tri kỷ; tri kỷ còn nhiều loại

khác và đôi khi... cao cấp hơn, nhưng thường loại này chỉ tìm thấy trong chính hàng ngũ thi phú với nhau thôi, và hàng ngũ thi phú này phải có điều kiện chưa thành danh, chưa già, chứ đã thành danh và già rồi thì thường cụ nào cụ nấy cái gì cũng bỏ hòm khoá kín, mấy ai còn hong được ra ngoài cái tâm hào phóng:

*Người gõ cửa mới biết  
Ngủ quên suốt mùa đông  
May thay đời nhiều sự  
Ngáp một tiếng tan buồn  
Bạn ta trông bị gậy  
Gió lạnh lùa đôi vai  
Gót giầy lên tiếng nói:  
Đường xa sợ đi rồi  
Súng chàng lên tiếng nói:  
Ta chán giết người rồi  
Tim chàng lên tiếng nói:  
Ta muốn yêu một người  
Cổ thụ kia còn mọc  
Tặng trời chút lá non  
Ta còn cô bạn gái  
Xin tặng chàng vui xuân...  
(Quà Tặng Mùa Xuân)*

Thế đấy, cuối năm lạnh lùng có người lính vốn là một thi hữu từ mặt trận mệt mỏi ghé qua gõ cửa nhà chàng, ngoài cơm bưng nước rót rồi gạo tiền xe pháo, chàng còn tặng luôn cho hẳn một cô bạn gái mà vui xuân nữa thì... bộ là chuyện phong thần sao? Thừa không, chuyện thật một trăm phần trăm. Chuyện xảy ra vào năm 1965 ở nhà một thi sĩ nay đã ra người thiên cổ tên là Trần Kiều Bạt. Người thơ này là một “hào sĩ miền Tây” thứ thiệt. Người viết thời ấy là một kẻ ngồi lẫn lộn trong đám tân khách của chàng, đã chứng kiến việc chàng làm với bạn, lòng cảm kích cái tính tri kỷ lạ đời kia mà viết ra bài thơ trên, rồi ít năm sau cho in nó trong tập Đạo Núi Minh Ta.

Nhắc đến tên thi tập lòng người viết tự nhiên lại băng khuâng. Chẳng biết kiếp nào mới thấy lại mặt mũi nó sau cái thời tai vạ phần thơ! Tháng Tư năm 2005 nhân ghé thăm người bạn tù làm việc ở đài phát thanh SBS/Melbourne tên là Hùng. Nhân trước đó Hùng có đề nghị để đài làm một cuộc phỏng vấn về mấy chuyện văn nghệ văn gừng nhân chuyến người viết được mời hát một vòng Úc châu với chương trình “Hát Cho Mười Ngàn Ngày Nhớ Nhau.” Và Hùng nói sẽ hỏi nhiều về thi tập Đạo Núi Minh Ta. Ngạc nhiên hỏi đào đâu ra cái tập đã cháy từ 30 năm trước ấy mà hỏi nhiều với hỏi ít? Đáp yên tâm, huynh cứ ghé chơi rồi sẽ thấy nó còn nguyên vẹn hình hài. Hôm đến đài, phân chia chủ khách đâu đó xong, Hùng mới chỉ vào khung cửa bên hông có một nữ lang đang mau mắn tươi cười bước ra, giới thiệu: “Đây, Phượng Hoàng, người đang có trong tay ấn bản đầu Đạo Núi Minh Ta Thi Tập của hiền huynh đấy, thi tập mà ông Trần Trọng Đăng Đàn trong quyển sách có cái tựa dài ơi là dài ‘Văn Hoá Văn Nghệ Phục Vụ Chủ Nghĩa Thực Dân Mới Mỹ tại Nam Việt Nam 1954-1975’ đã xếp nó vào loại văn chương quốc cấm đấy.”

Sau đó chị Phượng Hoàng kể: “Năm ấy sau khi có kết quả (đại học) xong, tôi trở lại quê nhà ở một thành phố miền tây, và khi đi qua một tiệm sách, nghĩ là nên mua một quyển gì đó để đánh dấu ngày mình tốt nghiệp. Tôi vào và thấy một tập thơ có cái tựa hay hay, mở ra đọc nhanh vài bài, thấy lạ quá, thế là quyết định mua ngay. Non mười năm trước đây tôi vượt biên, trong vài quyển sách quyết định đem theo có quyển thơ này của anh!” Chị khe khẽ đọc thuộc lòng cho chúng tôi nghe ít bài chị ửng bưng mà chính tác giả chỉ còn nhớ cái tựa, chẳng hạn “Nghinh Địch Hành,” “Hành Quân Qua Bến Phà Mỹ Thuận, Gặp Bạn Đánh Chén, Say Mèm,” “Tới Bến

Phà Vàm Cống, Buổi Chiều"... Sau này người viết cố nhớ lại cuộc đời những nhà thơ kim cổ mình từng đọc qua, thấy dường như chưa ai có được cái vui như cái vui của mình. Xưa sau mấy ai đã có được một tri kỷ mua tập thơ của mình để đánh dấu ngày thành đạt, rồi khi vượt chết vẫn... bảo vệ cho nó sống mà sang tới xứ người? Thật còn gì đáng cảm kích hơn! Ấy nhưng lại còn có những tri kỷ không chỉ làm mình cảm kích, mà còn làm mình... khó xử làm sao. Thế mới khổ. Xưa các cụ luôn dạy "Ơn ai một đồng một chữ không quên," huống hồ lắm khi loại tri kỷ này chẳng những giúp cho ta nhiều việc có lợi mà còn giúp thêm cho rất nhiều chữ nhiều ý có lý vô cùng. Họ như những cô giáo tận tụy vậy. Đã mấy chục năm người viết phải mang ơn một cô giáo gốc Gia Long và Sư Phạm. Cô giáo này xưa hay quan tâm và thẳng thắn đề nghị tác giả nên dùng chữ này, nên tránh chi tiết kia vân và vân vân. "Cụ ơi, lời nhạc đoạn này hồng 90% rồi cụ ạ... Ái tình gì mà lời lẽ cứ chắc nịch như một cái tam đoạn luận thế này!" hoặc: "Đoạn mô tả này không được đâu cụ ơi, phụ nữ chúng tôi không nhìn người đàn ông có nhiều hứa hẹn xi măng cốt sắt theo cách ấy." Hỏi: "Vậy cách gì?" "À, nhìn cách ông ta thận trọng rút ví và mở ví, rồi nhìn cặp lông mày nặng nề suy tính khi ông rút ra những tờ giấy bạc thẳng nếp xếp hết sức ngay ngắn trong ví tiền..." hoặc: "Không, đừng đi quá xa vào tâm tình đàn bà kiểu ấy, trật đường rày..." Tên cô giáo này là Nguyễn Tú Anh, bà nội của cháu nội người viết.

Lại mới đây người viết có cơ duyên gặp thêm một cô giáo nữa. Cô này cùng học ở cả hai trường với cô trên, chỉ khác ban. Trước khi hưu cô là giọng đọc truyện "on air" quen thuộc với thính giả Úc châu. Nhân một lần gặp lại cô nơi một toà báo bên Úc, cô nói: "Em là bạn học với các em của anh, và vì thế em cũng hiểu tính anh như các em anh. Văn nghệ mà cứ rắc rối là anh bỏ luôn cho nhẹ mình, không muốn dây vào cho mệt, đúng không? Nhạc thì anh có thu mà truyện và thơ thì lờ đi. Chắc rắc rối? Em muốn thu đĩa một số truyện của anh đấy, anh cho phép không? Lần ấy thật tình người viết lại tưởng cô em nói cho vui, dè đâu chỉ một thời gian ngắn sau đó 2 CDs truyện đầu tiên của người viết được thực hiện một cách hết sức nghệ thuật từ hình thức đến nội dung, nhất là được quảng bá và phát hành rộng. Cô giáo tên là Trần thị Tuyết Lê, cựu xướng ngôn và biên tập viên đài phát thanh liên bang SBS/Sydney/Úc châu.

Có lần một người bạn hỏi người viết một câu:

"Chơi với ông đã nửa thế kỷ, giờ tôi hỏi thật một thắc mắc đã để lâu trong lòng:

"Thì hỏi đại đi."

"Sao ông nói to thế, tiếng to quá!"

Trong đời ai tránh được những câu hỏi, nhưng lần ấy quả thật người viết hơi ngỡ ngàng trước câu hỏi bất ngờ của bạn, rồi sau một thoáng suy nghĩ, đã trả lời bạn (khẽ hằn!) một cách cũng bất ngờ nhưng rất thành thật:

"Để biết mình còn sống."

Sau này đôi khi lan man nhớ đến những tri kỷ mình đã gặp trong đời thơ đời văn, không hiểu sao người viết lại (cứ vô duyên) liên hệ họ với một kiểu... nói to. Quả thế, trong dòng đời trầm lắng luôn có khuynh hướng ru ta vào cõi quên, cõi suy tàn, một tri kỷ nào đó đột nhiên xuất hiện rất giống như một tiếng nói to, một tiếng gọi to rất mực thiết tha, rất mực thật thà và nhờ đó người ta choàng dậy để mừng biết ngôi bút mình còn sống.

## Thơ Hà Thúc Sinh



Như gió mây hội ngộ, hánh quân qua bến phà Mỹ Thuận gặp ban đánh chén say mèm. Thơ Hà Thúc Sinh như tiếng cười ngạo nghễ tràn đầy cảm khái. Cười như cuộc sống là một trò đùa và trò chơi đánh trận như là một cuộc cút bắt với thiên thu...

“ Hãy cạn ly chết bỏ  
tôm cua cá lươn sò  
lương ta còn nguyên vẹn  
còn cả cái Seiko  
Cứu Long giang ra biển  
Sẽ chẳng trở về đây  
Chiến tranh hề gặp gỡ  
Có chắc lần thứ hai  
Mai mỗi tháng mỗi ngả  
Thăng cả Mau, Năm Căn  
Thăng Bình Dương , Bình Giả  
Thăng địa ngục thiên đàng  
Nhưng ta không sợ chết  
(hơi ngán què đôi chân)  
còn mày sao lại khóc  
cứ cười lên đi con  
ta anh hùng tứ xứ  
há thua những bông hồng  
nơi rừng U Minh hạ  
còn dám nở dưới bom  
cứ cười như hòng súng  
bắn cuộc đời vỡ toang  
ha ha ha ha ha  
như hòng súng  
ha ha ha

**Buổi chiều ở nhà mời bạn đánh chén,  
nửa chùng hết rượu**

Dần ly xuống chiếu cười gượng cười  
Ta biết rằng chưa ấm bụng người  
Bực thay bạn đến từ muôn dặm

Mà rượu hề không đủ say chơi

Con ta chọt ré lên sau bếp  
Buổi chiều đổ lửa xuống nhà tôn  
Hà Thúc phu nhân coi buồn lắm  
Sữa thiếu làm sao tiếp rượu chồng

Bạn ta người của mùa chinh chiến  
Đời quen rộng rãi thú tiêu pha  
Kéo ta ra quán hề ra quán  
Ngó trời ngó đất mà thương ta

Trăng kia sao chẳng vào dinh thự  
Mà chỉ nằm chơi một ngọn cây  
Bạn ta nào hiểu niềm sung sướng  
Đời ta hề chưa bản đôi tay

(Dạo núi mình ta – 1972)

### **Thư về tiểu muội họ Vương**

Chiều chệnh choáng hồn ta bên thư án  
Vũ trụ kia vẫn vũ bóng phù vân  
Em đã thắng vài ba trăm năm trước  
Một con đường của định mệnh gai chông

Ta cũng biến thơ kia thành gậy nhỏ  
Chống mà đi trên sinh lộ một thời  
Như em có xác thân là gậy nhỏ  
Để đập trên đường định mệnh mà chơi

Quý thần hiện trên đường ta đi đó  
Mà hôm nay xiềng xích vẫn vô cùng  
Đường vạn nẻo chung quy về cố quận  
Là mịt mù vô ảnh của hư không

Ta sắp vượt một trường giang dậy sóng  
Không cầu nào có thể bắc ngang qua  
Đây là lúc mà phượng hoàng sắp phải  
Đem cánh mình phủ lấy bóng trời xa

Chiều hôm nay mảnh hồn ta chệnh choáng  
Trước khi chơi một trận chiến cuối cùng  
Cả trời xanh thu vào khung cửa nhỏ  
Bỗng thấy mình nở rộ cánh sau lưng

(Thơ viết giữa đường – 1980)

### **Chiều qua Thanh Hóa**

Những nhịp cầu như những lưng còng  
Gánh sức nặng buổi chiều ảm đạm  
Ngó sang sông mờ nét tiêu hao  
Tây thành cũ hay là thôn bản?

Tự hỏi mãi. Đến chưa? Chưa đến?  
Hay chỗ này Thanh Hoá ngày xưa  
Ngó lên mây bạch y thương cầu  
Nhìn xuống dòng bóng cũ mù mưa

Thấy chị qua muốn lời thăm hỏi  
Mắt ngu ngơ che nón im hơi  
Nhìn em đến này em muốn hỏi  
Miệng ngập ngừng rét mướt im lời

Mưa nặng hạt võ buồn cố xứ  
Như tấm hình rỗ mặt trăm năm  
Tia chớp loé tang sông một giải  
Buồn tôi nhô mồ mả đầm đầm

(Hoà Bình và Tôi – 1994)

### **Quán bên đường**

Nằm chui khóm lá chiếc bàn thấp  
Lề đường một lũ tụi quanh nhau  
Ếm sâu hơi thuốc vào gan mật  
Bất giác phà ra nổi dãi dầu

Trung tá xích lô thăm hỏi bạn  
Chợ trời dưng sĩ sao về không  
Cười như nước mắt nói như bỡn  
Nó bố trưa nay còn cái quần

Ông giáo sử mấy năm vá lốp  
Đồ nghề linh kính nặng trên lưng  
Một anh văn sĩ ngồi lê hỏi  
Thời xưa phong kiến khá hơn chăng

Gió chiều thổi tóc người nghi ngại  
Mỗi hồn hiện một nét công an  
Lá khô thổi chạy cây thổi động  
Vừa lúc đêm lên khắp Sài Gòn

(Hoà Bình và Tôi – 1994)

### **Chiều say sảng, nhớ bạn**

Nhắm nháp lon bia lúc cuối ngày  
Mà sao choáng váng thấy mình say  
Thấy mình sao đó sao sao đó  
Bạn cũ thôi rồi chẳng sót ai.

Toán mình sau đúng bốn lăm năm  
Rụng hết chiều nay chỉ sót Sinh  
Lẻ Sáu ba ta, ba chỗ sống  
Mèng ơi Lẻ Chín còn riêng mình!

Miệt dưới hôm qua lại động đất  
Khi không Sinh nhớ Bạt làm sao  
Những ngày còn ở dưới vùng Los  
Uống rượu lãng nhăng nói tầm phào.

Bỏ thuốc mười năm có lẽ rồi  
Nhớ Đô mỗi thuốc rít vài hơi  
Ho trào nước mắt như là khóc  
Nhớ bạn chiều lên tối nửa trời.

Biết đến bao giờ ta lại đứng  
Trên cầu Tham Tướng nhìn sông trôi...